*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

***Chương III* : GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN**

**Tiết 39**: **GÓC Ở TÂM. SỐ ĐO CUNG**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- HS nhận biết được góc ở tâm, có thể chỉ ra 2 cung tương ứng, trong đó có cung bị chắn.

- So sánh được 2 cung trên một đường tròn căn cứ vào số đo (độ) của chúng.

- Bước đầu vần dụng được định lí để cộng cung.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được cách đo góc ở tâm bằng thước đo góc, thấy rõ sự tương ứng giữa số đo (độ) của cung và góc ở tâm chắn cung đó trong trường hợp cung nhỏ hoặc cung nửa đường tròn. HS suy ra được số đo (độ) của cung lớn (có số đo lớn hơn 1800 và bé hơn 3600).
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Góc ở tâm*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được định nghĩa góc ở tâm là góc có đỉnh trùng với tâm đường tòn, qua đó chỉ ra các góc cụ thể trên hình vẽ.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| GV vẽ hình 1 SGK và giới thiệu góc ở tâm.  ? Thế nào là góc ở tâm ?  ? Số đo độ của góc ở tâm lấy những giá trị nào ?  ? Mỗi góc ở tâm ứng với mấy cung ?  ? Chỉ ra cung bị chắn ở hình 1a; hình 1b ?  ? Tìm số đo cung dựa vào đâu?    GV cho HS làm bài tập 1 sgk | HS đọc định nghĩa và nội dung phần 1  HS trả lời  HS :00 < α < 1800  HS :ứng với 1 cung  HS chỉ trên hình  HS :dựa vào số đo góc ở tâm  HS trả lời bài tập 1 | **1. Góc ở tâm**  + Định nghĩa: Là góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn    + Góc ở tâm AOB tương ứng với 2 cung - Cung nhỏ AmB  - Cung lớn AnB  + Kí hiệu AB hay AmB; AnB  + Góc bẹt COD tương ứng với 2 cung CD, mỗi cung là nửa đường tròn |
| **Hoạt động 2*: Số đo cung*** ( 12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được định nghĩa số đo cung, kí hiệu của số đo cung, vận dụng kiến thức vừa học giải thích chú ý và làm bài tập trắc nghiệm điền khuyết trên bảng phụ.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | |
| - Yêu cầu HS đọc mục 2 - SGK  Cho Hs làm bài sau (bảng phụ)  a) Đo góc ở tâm ở hình 1a rồi điền vào chỗ trống:  ? Vì sao  và  có cùng số đo?  b) Tìm số đo cung lớn  ở hình 2 rồi điền vào chỗ trống.  ? Nêu cách tìm  \* Có nhận xét gì về:   * Số đo của cung nhỏ * Số đo của cung lớn * Số đo của cung có điểm đầu ≡ điểm cuối * Số đo của cả đường tròn   Gv chốt kiến thức | HS đọc bài  Hs làm bài trên bảng phụ  Hs nêu nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | **2. Số đo cung**  a) Định nghĩa  - Số đo của cung nhỏ bằng sđ của góc ở tâm chắn cung đó.  - Số đo cung lớn bằng 360o - sđ của cung nhỏ  - Số đo của nửa đường tròn bằng 180o  b) Kí hiệu:  sđ  c) VD:  sđ  = 500  sđ  = 3600 – 500 = 3100  d) Chú ý: ( SGK ) |
| **Hoạt động 3*: So sánh hai cung*** ( 8 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS so sánh được hai cung qua số đo cung, và sử dụng tốt kí hiệu so sánh, HS nêu được cách vẽ hai cung bằng nhau.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| ? So sánh 2 cung dựa vào kiến thức nào ?  ? Khi nào 2 cung được gọi là bằng nhau ?  ? Để vẽ 2 cung bằng nhau vẽ ntn ?  GV yêu cầu HS thực hiện vẽ | HS đọc thông tin sgk  HS trả lời  HS vẽ 2 góc ở tâm bằng nhau | - Hai cung bằng nhau nếu có số đo bằng nhau.  - Trong 2 cung cung có số đo lớn hơn thì lớn hơn   * Kí hiêu: |
| **Hoạt động 4*: Khi nào sđ  = sđ + sđ*** ( 12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS áp dụng được công thức cộng cung, vận dụng công thức làm ?2  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, động não. | | |
| GV yêu cầu HS đọc nội dung phần 4 sgk  ? Chứng minh  sđ  = sđ + sđ  ta làm ntn ?  GV yêu cầu HS đọc phần gợi ý và nêu cách chứng minh  ? Nhận xét vị trí của 3 tia OA; OB; OC ?  ?  = ? ⇒ sđ  = ? | HS tìm hiểu sgk  HS nêu cách chứng minh  HS nêu nhận xét  HS trả lời miệng | 4.Khi nào sđ= sđ+sđ  a) Định lý ( SGK )  Nếu C là 1 điểm nằm trên  thì:  sđ= sđ+sđ  ***?2***. b) Chứng minh đẳng thức  sđ= sđ+sđ    vì C nằm trên  ⇒ tia OC nằm giữa 2 tia OA và OB  =>  ⇒  Hay sđ= sđ+sđ |
| **Hoạt động 5*: Luyện tập*** (3 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 3.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| ? Thế nào là góc ở tâm ? quan hệ giữa góc ở tâm và cung bị chắn ?  ? Cách so sánh 2 cung ?  GV yêu cầu HS làm bài tập 3 trang 69 SGK  ? Tìm số đo cung AmB và cung AnB ntn ?  GV chốt lại sđ cung = sđ góc ở tâm ; để biết số đo cung cần đo góc ở tâm. | HS nhắc lại  HS đọc bài tập – nêu yêu cầu của bài  HS đo góc AOB  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | **Bài 3** |
| **Hoạt động 6*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc định nghĩa, định lí trong bài học. * Làm bài tập 4,5,7 sgk trang 69.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết 40: Luyện tập |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 40**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Vận dụng được các kiến thức của tiết học trước để so sánh, chứng minh, tính toán các bài tập trong sgk.

- Phát biểu và vận dụng dược đinh lí “cộng 2 cung”. So sánh được các cung trong một đường tròn, tính được độ lớn của các cung (thông qua góc ở tâm).

1. ***Kỹ năng***

* Đo và tính toán chính xác.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Trật tự lắng nghe, mong muốn được vận dụng.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Chữa bài tập về nhà*** (12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được các kiến thức đã học thông qua việc chữa bài tập 5, nêu lại được cách tính số đo cung.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề, trực quan. | | |
| Gv yêu cầu Hs chữa bài tập 5/ SGK    Gọi 1 Hs lên bảng chữa bài  Gv kiểm tra bài tập về nhà của Hs dưới lớp  Gọi Hs nhận xét bài trên bảng  *? Em đã sử dụng kiến thức nào để làm bài tập này?*  *? Số đo của 1 cung được tính ntn?*  Gv chốt kiến thức | Hs chữa bài theo yêu cầu của Gv  Hs nhận xét bài trên bảng  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **Bài 5**  Vì MA; MB là TT của (O)  ⇒ MA ⊥ OA  MB ⊥ OB  ⇒  = 900;  = 900  Xét tg MAOB có    ⬄ 35o+ 900+ 900+  = 360o  ⬄  = 145o  - Sđ  = = 145o  Ta có Sđ = 360o - Sđ  = 360o - 145o  = 215o  Vậy Sđ  = 145o  Sđ  = 215o |
| **Hoạt động 2*: Luyện tập*** ( 31 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 6, 7 và trả lời bài tập trắc nghệm 8.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Gv yêu cầu hs làm bài 6 SGK  Gọi HS lên bảng vẽ hình  *? Tam giác đều có t/ chất gì ?*  *? Tính góc A0B cần tính được góc nào ?*  *? Hãy tính góc*  *và*  *?*    *?*  = *?*  *? Còn cách nào khác để tính ,  và  không?*  *? Tính sđ cung AB; BC; CA vận dụng kiến thức nào ?*  GV chốt lại cách làm  Bài 7/ SGK  *? Bài toán cho biết gì ? yêu cầu gì ?*  GV phân tích bài toán  *? Xác định số đo cung dựa vào số đo góc nào ?*  *? Nhận xét số đo của các cung trong hình vẽ ?*  *? Hai cung nào bằng nhau ? vì sao ?*  GV lưu ý HS khi so sánh độ lớn các cung:  - xét trong 1 đ/tr hay 2 đường tròn bằng nhau  - số đo bằng số đo góc ở tâm .  *? Nêu tên 2 cung lớn bằng nhau ?*  Gv yêu cầu Hs đứng tại chỗ làm bài 8 SGK  Gv chốt kiến thức | HS đọc đề bài – nêu yêu cầu của bài  HS vẽ hình  HS: các góc bằng nhau và bằng 600  HS:  *và*  *?*  HS nêu cách tính  HS:  = 1200  Ch/m Δ AOB = Δ AOC = Δ BOC (ccc)  ⇒ Ô1 = Ô2 = Ô3  mà Ô1+ Ô2 + Ô3 = 360o    HS : số đo cung với góc ở tâm  Hs ghi bài  HS đọc đề bài  HS trả lời  HS nghe hiểu  HS trả lời  Hs làm bài theo yêu cầu của Gv  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | Bài 6 (17 phút)    Giải  a)Ta có Δ ABC đều  ⇒ Â = = = 600.  Xét Δ AOB có OA = OB = R ⇒ Δ AOB cân tại O  ⇒ =  Â  ⇒ = 300  ⇒  = 1200 (t/c tổng 3 góc trong Δ)  C/m tương tự ta cũng có  = 1200  b) Ta có  chắn  chắn  chắn  mà  ⇒ sđ= sđ= sđ= 1200  **Bài 7** (9 phút)    a) Ta có các cung nhỏ AM; BN; PC; QD có cùng số đo và cùng chắn góc ở tâm O1 và O2  b) Các cung nhỏ bằng nhau  ;  ;  c) Các cung lớn bằng nhau  ;  ;  **Bài 8**  (5 phút)  a) Đúng  b) Sai vì 2 cung có số đo bằng nhau nhưng ở 2 đường tròn khác nhau thì không thể bằng nhau.  c) Sai vì nếu 2 cung ở 2 đường tròn khác nhau.  d) Đúng |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc định nghĩa, định lí đã nhắc lại trong bài học. * Làm bài tập 9 sgk trang 70, bài 5,6 sbt trang 77.   **Bài mới**   * Đọc trước bài: Liên hệ giữa cung và dây, trả lời các ? sgk. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 41**: **LIÊN HỆ GIỮA CUNG VÀ DÂY**

**I. Mục tiêu**:

***Sau tiết học, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Sử dụng được các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”.

- Phát biểu và chứng minh được định lí 1 và định lí 2.

- Nhận xét được vì sao các định lí 1, 2 chỉ phát biểu đối với các cung nhỏ trong đường tròn hay 2 đường tròn bằng nhau.

1. ***Kỹ năng***

* Bước đầu vận dụng được định lí làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

* - Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*5 phút*).

? Cho đường tròn (O). Vẽ các góc ở tâm AOB và COD ( )

a) So sánh 2 cung AB và CD b) So sánh 2 dây AB và CD

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Nhận xét*** (4 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS quan sát hinh vẽ sgk và xác định, phân biệt được 2 khái niệm “cung căng dây” và “dây căng cung”.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, hoàn thành nhiệm vụ. | | |
| GV yêu cầu HS quan sát cung AB và đường thẳng nối 2 điểm A, B; đoạn thẳng AB gọi là dây cung.  GV giới thiệu các thuật ngữ: cung căng dây, dây căng cung.  *? Trong 1 đường tròn khi cho 2 điểm thuộc đường tròn xác định được mấy dây ? và mấy cung ?*  *? Trong 1 đường tròn mỗi dây căng mấy cung?*  *? sự liên hệ giữa cung và dây tương ứng ntn ?*  Gv ĐVĐ vào định lí 1 | HS nghe hiểu  HS :1 dây và 2 cung  HS :căng 2 cung |  |
| **Hoạt động 2*: Định lí 1*** ( 15 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được yêu cầu của bài toán, nhận xét được mối liên hệ giữa dây và cung tương ứng. HS trình bày tốt lời giải dựa trên sơ đồ.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| GV nhấn mạnh định lý – yêu cầu HS phân biệt gt – kl của định lý  GV vẽ hình ghi tóm tắt gt – kl chỉ rõ định lý cần c/m 2 chiều  *? Để c/m AB = CD cần c/m điều gì ?*  GV yêu cầu HS trình bày c/m theo sơ đồ  Tương tự cầu b  GV hướng dẫn HS c/m  GV yêu cầu 2 HS thực hiện trình bày c/m  ? Qua định lý 1 Nếu 2 dây bằng nhau suy ra điều gì ? nếu 2 cung bằng nhau suy ra điều gì ?  GV nếu 2 dây không bằng nhau thì 2 cung tương ứng ntn? | HS đọc định lý 1  HS vẽ hình vào vở  HS AB = CD  ⇑  Δ AOB = Δ COD  ⇑    ⇑    OA = OB = OC = OD = R  HS nêu c/m    ⇑    ⇑  Δ AOB = Δ COD  ⇑  AB = CD (gt)  OA = OB = OC = OD = R  HS khái quát lại định lý | **1. Định lí 1**    a, Vì  (1)  Xét AOB và  DOC có  OD =OC = OB = OA (cùng bằng bán kính). (2)  Từ (1) và (2)  AOB =  COD (c.g.c)  AB = CD  b) Nếu AB = CD mà OA = OB  = OC = OD  AOB = COD (c.c.c)  (2 góc tương ứng) |
| **Hoạt động 3*: Định lí 2*** ( 12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được nội dung định lí, vẽ hình, ghi GT- KL và chứng minh định lí 2 dựa trên định lí 1.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | |
| GV yêu cầu HS đọc nội dung định lý 2  GV vẽ hình và yêu cầu Hs ghi GT - KL  Yêu cầu Hs tự ch/m tương tự định lí 1  *? Định lý tên chỉ đúng trong trường hợp nào ?* | HS đọc nội dung định lý  HS ghi gt –kl  HS :xét cung nhỏ trong 1 hoặc 2 đường tròn bằng nhau | **2. Định lí 2** |
| **Hoạt động 4*: Luyện tập***(8 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 14 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề, tư duy. | | |
| Bài 14 trang 72 SGK  ? Bài toán cho biết gì ? yêu cầu gì ?  Gv vẽ hình  ? Để c/m IM = IN ta c/m ntn ?  ? Lập mệnh đề đảo của bài toán  ? Mệnh đề đảo có đúng không ? tại sao ?  ? Điều kiện để mệnh đảo đúng ?  GV yêu cầu HS về c/m mệnh đề đảo  GV giới thiệu liên hệ giữa đường kính, dây và cung  AB ⊥ NM tại I  AM=AN IM = IN | HS đọc đề bài  HS vẽ hình vào vở  HS nêu cách c/m  AB là TT của MN  ⇑  OM = ON  ⇑  gt  HS thực hiện trả lời  HS: không vì dây có thể là đường kính  HS: dây không đi qua tâm | Bài 14    AM = AN (gt)  ⇒ AM = AN (liên hệ giữa dây và cung) có OM = O N = R  ⇒ AB là trung trực của MN  ⇒ IM = IN |
| **Hoạt động 5*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc định lí 1, 2. Nêu được mối quan hệ giữa đường kính, cung và dây cung trong đường tròn. * Làm bài tập 11, 12, 13 trang 72 sgk. Lưu ý bài tập 13 phải xét 2 trường hợp.   **Bài mới**   * Đọc trước bài: “Góc nội tiếp”. * Trả lời các câu hỏi trong sgk. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 42**: **GÓC NỘI TIẾP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Nhận biết được những góc nội tiếp trên một đường tròn và phát biểu được định nghĩa về góc nội tiếp.

- Phát biểu và chứng minh được định lí về số đo góc nội tiếp.

- Nhận biết bằng trực quan và chứng minh được các hệ quả của định lí trên.

- Phân loại được các trường hợp của góc nội tiếp.

1. ***Kỹ năng***

* Thành thọa kĩ năng vẽ hình, chứng minh hình học.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.
* Phát huy trí lực của HS, Giáo dục HS tính quan sát.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

* - Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

Gv ĐVĐ: Chúng ta đã nghiên cứu một số loại góc có liên quan đến đường tròn đó là góc ở tâm. Tuy nhiên còn một số loại góc cần chú ý như đỉnh của góc đó nằm trên đường tròn, nằm ngoài đường tròn; nằm trong đường tròn (GV vẽ hình minh họa) có tên gọi là gì. Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu các loại góc đó và bài học ngày hôm nay chúng ta tìm hiểu về: góc nội tiếp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Định nghĩa*** (12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS quan sát và nhận xét về đỉnh, cạnh của góc BAC, qua đó nêu được định nghĩa góc nội tiếp, nhận biết được cung bị chắn, phân biệt được góc nội tiếp và góc ở tâm, nhận biết mối quan hệ giữa góc nội tiếp và góc ở tâm.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề, dạy học dựa trên vấn đề. | | |
| GV đưa hình vẽ 13 sgk trên bảng phụ  *? Quan sát H13a có nhận xét về đỉnh và cạnh của góc BÂC ?*  *? Em hiểu thế nào là góc nội tiếp*  GV gọi hs nhắc lại định nghĩa góc nội tiếp    *? Nhận xét góc  ở H13b ?*  GV giới thiệu cung bị chắn  *? Tìm cung bị chắn trong H13a,b*  *? Góc nội tiếp và góc ở tâm có điểm gì khác nhau?*  GV nhấn mạnh: góc ở tâm chắn cung nhỏ hoặc nửa đường tròn; góc nội tiếp chắn cung nhỏ, cung lớn, đó là điều khác cơ bản của góc nội tiếp và góc ở tâm  GV cho HS làm **?1** sgk  *? Vì sao các góc ở hình trên không phải là góc nội tiếp ?*  *? Một góc nội tiếp phải thoả mãn mấy điều kiện ? ? Quan hệ giữa góc ở tâm và cung bị chắn ntn ?*  *GV vậy quan hệ giữa góc nội tiếp và cung bị chắn ntn ?*  GV cho HS làm **?2** sgk  GV yêu cầu 3 HS lên bảng thực hiện đo trên bảng HS còn lại đo trong sgk  ? Giải thích cách đo cung BC ?  ? Qua **?2** có nhận xét gì ? | HS nêu nhận xét  HS nêu đ/n  HS: góc là góc nội tiếp  HS :H13a cung BC nhỏ; H13b cung BC lớn  HS nêu điểm khác nhau  HS đọc nội dung **?1**  HS quan sát hình và trả lời  HS : 2 ĐK đỉnh; 2 cạnh  HS trả lời  HS đọc**?2** sgk  3 HS đo trên bảng  HS còn lại đo sgk  HS giải thích cách đo  HS nêu nhận xét | **1. Định nghĩa**  Định nghĩa: SGK    là góc nội tiếp  cung BC cung bị chắn |
| **Hoạt động 2*: Định lí*** ( 15 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được nội dung định lí, chứng minh được định lí trong cả 3 trường hợp.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, dạy học dựa trên vấn đề, trực quan. | | |
| GV giới thiệu định lý  ? Dựa vào hình vẽ trên hãy ghi gt – kl?  GV kết luận bằng đo đạc đã biết góc = 1/2sđ cung BC, bằng suy luận hãy chứng minhđịnh lý.  ? Để chứng minhđịnh lý ta chứng minh mấy trường hợp ?  GV yêu cầu HS đọc thông tin c/m sgk  ? Từ hình vẽ 16 hãy chứng minh trường hợp 1?  GV yêu cầu HS trình bày chứng minh  ? Để chứng minh phần a vận dụng kiến thức nào ?  ? Nếu cung BC = 700 thì = ?  ? Trong trường hợp b người ta chứng minh như thế nào ?  GV gợi ý vẽ đường kính AD  ? Góc = tổng 2 góc nào ?  GV tương tự trường hợp b chứng minhtrường hợp c: vẽ đường kính AD  ? Góc bằng hiệu 2 góc nào ?  GV yêu cầu HS về nhà tự trình bày chứng minh  GV chốt lại cả 3 trường hợp  GV trả lời câu hỏi khung chữ sgk | HS đọc định lý  HS ghi gt - kl  HS :3 trường hợp  HS chứng minhtheo sơ đồ  Sđ = 1/2sđ    Sđ = 1/2sđ    Sđ = sđ    HS: t/c góc ngoài; góc ở tâm  HS:  = 350  HS nêu cách chứng minh  HS: =  HS: =  HS nghe hiểu và tự trình bày | 2. **Định lí**  Định lí: SGK  a) Tâm O nằm trên 1 cạnh của góc    b) Tâm O nằm trong    c) Tâm O nằm ngoài |
| **Hoạt động 3*: Hệ quả*** (9 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được hệ quả, chứng minh được hệ quả trong cả 3 trường hợp.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| GV ghi hệ quả trên bảng phụ  GVnhấn mạnh hệ quả - yêu cầu HS vẽ hình minh hoạ các tính chất  GV nêu hướng chứng minh các trường hợp | HS đọc hệ quả  HS vẽ hình trên bảng  HS 1vẽ phần a,b  HS 2 vẽ phần c,d  HS khác cùng làm và nhận xét | **3. Hệ quả**   |  |  | | --- | --- | |  |  | |
| **Hoạt động 4*: Luyện tập*** (7 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Bài 15  ? Hãy lựa chọn câu đúng, câu sai ? giải thích vì sao ?  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân làm bài 18  GV gọi HS trả lời | HS đọc bài tập  HS trả lời miệng  HS đọc bài 18  HS trả lời tại chỗ | **Bài 15**   1. Đúng 2. Sai   **Bài 18**   |  |  | | --- | --- | | =( cùng chắn cung PQ) |  | |
| **Hoạt động 5*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc định nghĩa, định lí, hệ quả về góc nội tiếp. * Làm bài 16,17,18,19 sgk trang 75.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 43**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- HS vận dụng được định lí và cách hệ quả của góc nội tiếp để chứng minh, giải các bài tập cơ bản có liên quan.

- Trau dồi thêm kĩ năng vẽ hình, sử dụng tính chất của góc nội tiếp để chứng minh.

- Nhận biết được đúng góc nội tiếp để sử dụng đúng định lí.

1. ***Kỹ năng***

* Bồi dưỡng tính chính xác, cẩn thận để suy luận.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Trật tự lắng nghe, mong muốn vận dụng.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*5 phút*).

? Phát biểu tính chất góc nội tiếp?

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Luyện tập*** (38 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| - Cho hs đọc đề bài.  - Gọi 1 hs lên bảng vẽ hình  - Gọi 1 hs lên bảng làm bài.  - Cho hs dưới lớp làm vào vở  - Nhận xét?  Gv chốt cách cách chứng minh 3 điểm thẳng hàng  - Tiên đề Ơclit  - CT cộng góc…  - Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gọi 1 hs lên bảng vẽ hình  - Nêu hướng làm?  - Gọi 1 hs lên bảng làm bài.  - Dưới lớp làm vào vở.  - Nhận xét?  - GV nhận xét.  - Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gọi 1 hs lên bảng vẽ hình  - Nêu hướng làm?  - GV nhận xét, bổ sung nếu cần.  - Gọi 1 hs lên bảng làm bài.  - Nhận xét?  - GV nhận xét.  - Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gv vẽ hình lên bảng  - GV lưu ý hs có 3 trường hợp xảy ra.  - Cho hs thảo luận theo nhóm, mỗi nhóm làm 1 trường hợp.  - Nhận xét?  GV nhận xét, bổ sung nếu cần. | - Hs đọc bài.  -1 hs lên bảng vẽ hình  -1 hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở  - Quan sát bài làm trên bảng, nhận xét. Bổ sung (Nếu cần)  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài  - Nghiên cứu đề bài.  -1 hs lên bảng vẽ hình  - Hướng làm: ….  1 hs lên bảng làm bài.  - Nhận xét.  - Bổ sung.  - Nghiên cứu đề bài.  -1 hs lên bảng vẽ hình  - Sử dụng hệ thức trong tam giác vuông.  -1 hs lên bảng làm bài.  - Nhận xét.  - Bổ sung.  -Nghiên cứu đề bài.  hs vẽ hình vào vở  - Chú ý xét 3 trường hợp.  -Thảo luận theo nhóm theo sự phân công của GV  - Nhận xét, bổ sung. | **Dạng 1: *Chứng minh ba điểm thẳng hàng***  **Bài 20** (7 phút)    Ta có 900 (Góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)  1800  C, B, D thẳng hàng.  **Bài 21** (7 phút)    Vì (O) và (O’) bằng nhau  mà sđ  sđ  MBN cân tại B.  **Dạng 2: *Chứng minh đẳng thức (Tích độ dài các đoạn thẳng)***  **Bài 22** (15 phút)    Ta có 0 (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)  AM là đường cao của tam giác vuông ABC  MA2 = MB.MC  ( theo hệ thức lượng trong tam giác vuông).  **Bài 23** (9 phút)  Trường hợp M nằm bên trong đường tròn.    Ta có  (đối đỉnh)  (Hai góc nội tiếp cùng chắn một cung).  MACMBD    MA.MB = MC.MD. |
| **Hoạt động 2*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Học thuộc định lí, hệ quả của góc nội tiếp. * Làm bài 25,26 sgk.   **Bài mới**   * Đọc trước bài: “Góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung”. * Trả lời các ? trong sgk. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 44**: **GÓC TẠO BỞI TIẾP TUYẾN VÀ DÂY CUNG**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- HS nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.

- Phát biểu và chứng minh được định lí về số đo góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung trong 3 trường hợp.

- HS phân chia được các trường hợp để tiến hành chứng minh.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được định lí vào làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Phát huy trí lực, giáo dục tính quan sát của HS.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

* - Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*3 phút*).

? Nêu định lí về số đo góc nội tiếp trong một đường tròn

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Khái niệm*** (18 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. Xác định được số đo cung bị chắn trong mỗi trường hợp.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| - Cho hs quan sát hình vẽ  - Giới thiệu:  là góc tạo bởi tia tiếp tuyến Ax và dây cung AB  *? Vậy góc như thế nào là góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung?*  - Gv yêu cầu Hs nêu khái niệm.  Gv nhấn mạnh: Góc tạo bởi một tia tiếp tuyến và dây cung phải có:  - Đỉnh thuộc đtròn  - Một cạnh là 1 tia tiếp tuyến  - Cạnh kia chứa dây cung của đtròn  - Gv đưa hình vẽ ?1 SGK lên bản phụ cho hs quan sát và yêu cầu hs làm bài  Gv gọi Hs khác nhận xét  - Gv: yêu cầu Hs làm ?2/a  (Gọi 3 Hs lên bảng thực hiện)  Gọi 1 hs khác lên nhận xét và đo xác suất 1 trường hợp  ? Số đo cung bị chắn trong mỗi trường hợp?  Gv giải thích từng trường hợp | - Quan sát hình vẽ trên bảng phụ.  -Hs trả lời  - Hs khác nhận xét, bổ sung (Nếu có)  - Hs đứng tại chỗ nêu khái niệm  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  - Quan sát các hình vẽ và trả lời  Hs nhận xét và hoàn thiện bài vào vở  Hs lên bảng thực hiện  Hs nhận xét và đo lại  Hs trả lời | **1. Khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.**      VD.  là góc tạo bởi tia tiếp tuyến Ax và dây cung AB.  - Cung AmB chắn góc xAB  - Cung AnB chắn góc yAB  **?1**. Các góc ở hình 23, 24, 25, 26 đều không phải là góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung  **?2**  a) Sđ  = 600  b) Sđ  = 1800  c) Sđ  = 2400 |
| **Hoạt động 2*: Định lí - Hệ quả*** ( 15 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được định lí, phân chia được thành 3 trường hợp và chứng minh được từng trường hợp, HS nêu được hệ quả của định lí.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | |
| ? Dựa vào ?2, hãy nêu mối quan hệ giữa góc tạo bơi tiếp tuyến và dây cung với cung bị chắn?  Gv giới thiệu ĐL và yêu cầu Hs đọc lại  Gv yêu cầu hs dựa vào phần giải thích của ?2, thảo luận nhóm, chứng minh 2 trường hợp.  (TH3: giao làm BTVN)  Gv chấm bài của 2 nhóm nhanh nhất  - Gv: Y/c Hs làm ?3.  - Gv: Từ ?3 Em có nhận xét gì?  Gv chốt kiên thức: Trong 1 đường tròn, góc tạo bởi tt và dây cung và góc nội tiếp cùng chắn 1 cung thì bằng nhau | Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và đọc lại  Thảo luận theo nhóm theo sự phân công của GV.  Hs quan sát, nhận xét bài nhóm trên bảng phụ  - Hs: Làm ?3.  - Hs: Nêu hệ quả sgk  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **2. Định lí**  GT  là góc tạo bởi tia tiếp  tuyến và dây cung.  KL = sđ  Chứng minh.  TH1. tâm O nằm trên cạnh chứa dây cung AB.    Ta có = 900  sđ=1800  = sđ  Trường hợp 2. Tâm O nằm bên ngoài .  Kẻ OH  AB  ta có ΔAOB cân tại O nên  =sđ  Ta lại có  ( vì cùng phụ với  )  = sđ  Trường hợp 3. Tâm O nằm bên trong  **3. Hệ quả** SGK tr79 |
| **Hoạt động 3*: Luyện tập*** (5 phút)  B  A  y  x  O  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 27 sgk..  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| *? Nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài?*  Gv yêu cầu Hs chữa bài 27 SGK | Hs trả lời  Hs tự giác làm bài | **Bài 27**  Ta có  sđ;  = sđ  (1)  Mà AOP cân tại O  (2)  Từ (1), (2) |
| **Hoạt động 4*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại bài học, nhắc lại được mối quan hệ giữa góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung, góc nội tiếp chắn 1 cung trong đường tròn. * Làm bài 28,29,30 sgk trang 79.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

(Gv HD cụ thể bài 30: Vẽ OH  AB ta có = sđ mà  =sđ

mà = 900   = 900 )

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 45**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- HS vận dụng được định lí và các hệ quả của góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung để giải các bài toán chứng minh hai tam giác đồng dạng, tích độ dài đoạn thẳng và so sánh các góc.

- Nhận biết được góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung để sử dụng đúng định lí.

1. ***Kỹ năng***

* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (12 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được kiến thức đã học qua đó đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của HS.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| *? Phát biểu tính chất, hệ quả của góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung?*  Gv gọi 1 Hs chữa bài 30 SGK  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  G gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | **Bài 30**    Vẽ OH ⊥ AB tại H  Ta có BÂx = sđ  (gt) (1)  Vì ΔOAB cân tại O (OA = OB = R)  => OH là đường cao đồng thời là đường p/g  => Ô1 =  =sđ  (2)  Từ (1) và (2) ⇒ Ô1 = BÂx  Mặt khác Â1 + Ô1 = 900 (2 góc phụ nhau trong ΔOHA vuông tại H)  ⇒ Â1 + BÂx = 900  => AO ⊥ Ax tại A  Mà A  (O) (gt)  => Ax là tiếp tuyến của (O) |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (29 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Bài 33 / SGK  - Gv gọi Hs đọc đề bài.  - Gọi hs lên bảng vẽ hình.  -Gv HD Hs lập sơ đồ ngược chứng minh  AM.AB = AC.AN.    ?    ?    ?  Gv yêu cầu Hs tự giác làm bài  (Gọi Hs lên bảng chứng minh)  - Gv gọi Hs dưới lớp nhận xét  *? Em đã sử dụng kiến thức nào để làm bài?*  - GV nhận xét, đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức bằng cách chỉ ra những lỗi sai Hs hay mắc phải trong khi làm bài  Bài 34 / SGK  - Gv gọi Hs đọc đề bài.  - Gọi hs lên bảng vẽ hình.  - cách làm tương tự bài 33. Gv cho Hs thảo luận theo nhóm làm bài trong 5 phút  - Gv quan sát và kiểm tra hoạt động của các nhóm.  Gv chấm bài nhóm nhanh nhất và cho các nhóm còn lại chấm chéo  Gv có thể cho điểm khuyến khích Hs  Gv đưa đề bài lên bảng phụ  Bài tập chép: Cho hình vẽ biết (O) và (O’) tiếp xúc ngoài nhau tại A, BAD và EAC là hai cát tuyến của hai đường tròn, xy là tiếp tuyến chung tại A. Chứng minh  = .  *? Để chứng minh  =  ta có thể sử dụng kiến thức nào?*  Gv có thể gợi ý nếu hs không nghĩ ra  *? Nêu mqh giữa  với  ;  với  và  với*  Gv cùng Hs chữa bài  *? Nêu kiến thức đã sử dụng để làm bài?*  Gv chốt kiến thức toàn bài, đặc biệt chú ý: *quan hệ giữa góc nội tiếp và góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.* | - Hs đọc đề bài.  - Hs lên bảng vẽ hình.  -Hs theo dõi và lập sơ đồ phân tích:  …        AMN ACB    =  Hs làm bài vào vở  (1 Hs lên bảng c/m)  - Hs nhận xét, bổ sung (Nếu cần)  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm  - Hs đọc đề bài.  - Hs lên bảng vẽ hình.  -Hs thảo luận theo nhóm trong 5 phút.  - Hs nhận xét chéo  Hs hoàn thiện bài vào vở  Hs đọc bài và quan sát hình vẽ  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs cùng Gv chữa bài  Hs trả lời và hoàn thiện bài vào vở | **Dạng 1: *Chứng minh tích độ dài đoạn thẳng*** (20 phút)  **Bài 33** (11 phút)      Ta có  =  ( 2 góc SLT của At // MN) (1)  Mà =sđ (góc nội tiếp chắn )  = sđ  (góc tạo bởi TT và dây)  => =  (2)  Từ (1) và (2) =  xét ΔAMN và ΔACB có  chung  =  (cmt)  ΔAMN ~ ΔACB (g.g)    AM.AB = AC.AN.    **Bài 34** (9 phút)    Ta có = sđ  (góc tạo bởi TT và dây)  = sđ  (góc nội tiếp chắn )  => =  Xét ΔTMA và ΔBMT có  chung  =  ( cmt )  ΔTMA ~ ΔBMT (g.g)    MT2 = MA.MB.  **Dạng 2: *Chứng minh hai góc bằng nhau*** (11 phút)  **Bài tập chép**    Ta có  =  (=sđ)  ( = sđ )  Mà  =  ( 2 góc đối đỉnh)  = |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã chữa. * Làm bài 31,32 sgk trang 80.   **Bài mới**   * Đọc trước bài 5 sgk trang 81 và tìm hiểu trước tính chất của góc có đỉnh bên trong, bên ngoài đường tròn. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 46**: **GÓC CÓ ĐỈNH Ở BÊN TRONG HAY BÊN NGOÀI ĐƯỜNG TRÒN**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Nhận biết được góc có đỉnh ở bên tron hay bên ngoài đường tròn dựa vào định nghĩa.

- Phát biểu và chứng minh được định lí về số đo của góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn.

- Phân chia được các trường hợp để tiến hành chứng minh.

- Bước đầu vận dụng được kiến thức vào giải bài tập.

1. ***Kỹ năng***

* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

* - Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn*** (14 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vẽ được góc có đỉnh ở bên trong đường tròn, đo góc và số đo cung bị chắn. Qua đó nhận xét, nêu và phát biểu lại được đính lí về số đo góc có đỉnh ở bên trong đường tròn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| *? Hãy vẽ một góc có đỉnh ở bên trong đường tròn*  *? Góc ở tâm có phải là góc có đỉnh ở bên trong đường tròn không?*  ⇒ Chú ý  ? Hãy đo góc và 2 cung bị chắn:  + 1 cung nằm giữa 2 cạnh của góc  + Cung kia nằm giữa các tia đối của 2 cạnh ấy  ⇒ nhận xét?  ⇒ định lý.  ?1Phát biểu và chứng minh định lí về số đo góc có đỉnh ở bên trong đường tròn.  Gv chốt kiến thức | - HS trả lời ?1  HINH  Chứng minh: | **1. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn**  VD:  có đỉnh E nằm bên trong đường tròn (O)  \* Chú ý: góc ở tâm là trường hợp đặc biệt của góc có đỉnh nằm trong đường tròn.  a/ Định lý : SGK  b/ Chứng minh  Theo định lý về số đo góc nội tiếp ta có  BDC =sđBC  ABD =sđAD  BEC = BDC + ABD  =(sđBC +sđ AD) |
| **Hoạt động 2*: Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn*** ( 20 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vẽ được góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn trong cả 3 trường hợp, đo góc và số đo 2 cung bị chắn, qua đó nêu, phát biểu lại được định lí về góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | |
| Vẽ góc có đỉnh ở bên ngoài  đường tròn (3 trường hợp)  - Đo góc và 2 cung bị chắn  trong mỗi trường hợp.  ⇒ nhận xét?  *? Phát biểu định lý về góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn?*  *? Hãy chứng minh cho cả 3 trường hợp.*  Hướng dẫn HS sử dụng t/c góc ngoài Δ  - GV vẽ 3 trường hợp trên bảng  - Cho HS hoạt động nhóm  - Cử đại diện 3 nhóm lên trình bày 3 trường hợp.  ⇒ nhận xét cách trình bày.  Gv chốt kiến thức | Hs lên bảng thực hiện  HINH  Nêu định lí và HĐN để chứng minh định lí  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | **2. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn**  a/ Định lý : SGK  b/ CM định lý :  Trường hợp 1 :  BEC = BAC – ACD  =  Trường hợp 2 :  BEC = BAC - ACE  =  Trường hợp 3 :  AEC = xAC - ACE  = |
| **Hoạt động 3*: Luyện tập*** (9 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| *? Thông qua bài hôm nay, em cần nắm vững những nội dung gì?*  Gv chốt kiến thức toàn bài  Gv yêu cầu Hs chữa bài 36/SGK  (Cho Hs HĐ cá nhân, 1 Hs làm trên bảng phụ)  Gv gọi Hs dưới lớp nhận xét, sau đó đánh giá và cho điểm | Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe  Hs tự giác làm bài  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | **Bài 36**  HINH  Ta có    (các góc có đỉnh ở bên trong đường tròn)  Mà: ;  =>  Vậy ΔAEH cân tại A. |
| **Hoạt động 4*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Ôn tập các bài đã chữa. * Làm bài 37,38 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 47**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- HS vận dụng được định lí góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn để giải các bài toán chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau và tính số đo góc.

- Nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn để sử dụng đúng định lí.

1. ***Kỹ năng***

* Trau dồi thêm kĩ năng vẽ hình, nhận biết hình, phân tích đề bài, tư duy suy luận.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Bồi dưỡng tính chính xác, cẩn thận, trật tự lắng nghe, mong muốn vận dụng.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được kiến thức đã học, vận dụng được kiến thức làm bài tập 37 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| *? Phát biểu định lý góc có đỉnh ở bên trong đường tròn? góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn?*  Gv gọi 1 Hs chữa bài 37 SGK  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  Gv gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | **Bài 37**    A  B  C  O  S  M  1  1  Vì AB = AC (gt)  ⇒ Sđ  = Sđ  ⇒  Ta có: Sđ  =  Sđ ( ) (góc có đỉnh ngoài) =  Sđ  (vì )  Ta lại có: Sđ = Sđ  (góc nt)  ⇒  (=Sđ )  hay |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (31 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau và tính số đo góc.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| -Gọi 1 HS đọc đề bài 39 SGK tr83  Yêu cầu 1 Hs lên bảng vẽ hình  *? Muốn chứng minh ES = EM ta phải chứng minh điều gì?*  *? Muốn chứng minh ΔESM cân tại E ta phải chứng minh các góc nào bằng nhau?*  Yêu cầu cả lớp hoạt động cá nhân, tự giác làm bài  (1 HS trình bày vào bảng phụ)  Gv gọi Hs nhận xét bài trên bảng phụ (dưới lớp nhận xét chéo bài nhau)  Gv chốt kiến thức bằng cách chỉ ra những lỗi sai của Hs  -Gọi 1 HS đọc đề bài 41 SGK tr83  Yêu cầu 1 Hs lên bảng vẽ hình  Gv cho hoạt động nhóm làm câu a  Gv quan sát các nhóm làm bài  Gv chữa bài nhóm nhanh nhất  -GV nêu câu hỏi bổ sung (trên bảng phụ) – Nếu còn thời gian  b) Cho Â = 350,  = 750  Hãy tính số đo các cung nhỏ CN và BM?  ? Còn cách nào khác để tính số đo các cung nhỏ CN và BM không?  - Yêu cầu HS nêu cách tính khác mà không phụ thuộc vào kết quả bài 41?  (Gv có thể gợi ý nếu Hs không nghĩ ra)  *? Em đã sử dụng những kiến thức nào để làm bài?*  Gv chốt kiến thức | -HS đọc đề  - 1HS lên bảng vẽ hình  -Chứng minh ΔESM cân tại E  - Chứng minh    - HS tự giác làm bài  Hs nhận xét chéo bài nhau  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm và ghi bài  -HS đọc đề  - 1HS lên bảng vẽ hình  Hoạt động nhóm  Hs cùng Gv nhận xét, sửa sai - bổ sung (nếu cần)  Hs chú ý quan sát  1 Hs đọc bài  Hs trả lời  -HS đứng tại chỗ trình bày  (Gọi sđ là x, sđ là y. Ta có:  và    ) | **Dạng 1: *Chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau*** (18 phút)  **Bài 39**  HINH  Ta có  =  (1)  (góc có đỉnh ở trong đường tròn)  =  (2)  (góc tạo bởi tiếp tuyến và dây)  (vì ABCD) (3)  Từ (1), (2) và (3)  ESM cân tại E  ES = EM  **Bài 40**    Vì BE là phân giác của BÂC  .  Mà  =sđ  =sđ ()  = sđ ()  =  ΔSAD cân tại S  SA = SD  **Dạng 2: *Tính số đo góc*** (13 phút)  **Bài 41**  98  a) Ta có Â =  (1)  (góc có đỉnh ở ngoài đường tròn)  BSM =  (2)  (góc có đỉnh ở trong đường tròn)  Cộng (1) và (2) có :  sđÂ + BSM = sđ  mà CMN =  (góc nội tiếp)  => Â +  b) Theo câu a, ta có  2 =350 + 750= 1100  = 1100  : 2 = 550  Mà  = sđ  => sđ = 1100  Mặt khác  sd = 400 |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã học. * Làm bài tập sgk.   **Bài mới**   * Đọc trước bài: “Cung chứa góc”. * Trả lời các ? trong sgk. * Mang đầy đủ dụng cụ: thước kẻ, compa, thước đo góc để thực hành dựng cung chứa góc. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 48**: **CUNG CHỨA GÓC**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được quỹ tích cung chứa góc, vận dụng cặp mệnh đề thuận, đảo của quỹ tích này để giải bài toán.

- Sử dụng đúng thuật ngữ “cung chứa góc” dựng trên một đoạn thẳng và vẽ cung chứa góc  trên đoạn thẳng cho trước.

- Giải được bài toán quỹ tích gồm hai phần thuận, đảo và kết luận.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được kiến thức làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ, bìa cứng

* - Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Bài toán quỹ tích cung chứa góc*** (21 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS xác định được yếu tố cố định, yếu tố chuyển động của bài toán, nhận xét được vị trí các điểm ở ?1, ?2.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | |
| Giới thiệu bài toán quỹ tích SGK  *? Các yếu tố nào cố đinh , yếu tố nào chuyển động?*  Giới thiệu : Xét 2 trường hợp của góc  (vuông , không vuông).  Cụ thể đi vào ?1, ?2  Cho HS thực hiện ?1  ? Nêu cách vẽ ?  ? Nhận xét về vị trí của các điểm N1 , N2 , N3?  ? Có thể xác định được bao nhiêu điểm như thế ?  Yêu cầu Hs chứng minh ý b  - Gv: Giới thiệu đó là trường hợp góc  = 900 , nếu  thì sao ? | Hs đọc đề bài  Hs trả lời: A, B cố định M chuyển động.  - Hs: Đọc ?1  - Hs: Vẽ các tam giác vuông CN1D , CN2D , CN3D  - Hs: Nhận xét  -HS: vô số điểm  - Hs: chứng minh ý b. | **1. Bài toán quỹ tích cung chứa góc.**  **?1**  a) Vẽ hình    b) Xét CN1D có = 900 CN1D vuông tại N1  N1  (O ;)  Tương tự:  N2, N3   (O ;)  N1, N2, N3  (O ;) |
| - Gv: Hướng dẫn Hs thực hiện ?2 trên bảng phụ đã đóng sẵn hai đinh A,B ; vẽ đoạn thẳng AB . Có một góc bằng bìa cứng đã chuẩn bị sẵn  - Gv: HD Hs xét phần thuận.  Xét nửa mp bờ AB.  ? Qua 3 điểm A, B, M xác định mấy đường tròn?  - HD hs vẽ cung tròn AmB, tiếp tuyến Ax.  -Tâm O của đ.tròn nằm ở đâu?  ? So sánh OA và OB?  Vậy vị trí của O ntn?  ? ch/m Ay cố định?  c/m d cố định?  ? Ta có thể khẳng định điểm O cố định?  ? Em có nhận xét gì về vị trí điểm M?    Phần đảo  Lấy M’  cần c/m điều gì?  *? Qua chứng minh phần thuận , hãy cho biết muốn vẽ một cung chứa góc  trên đoạn thẳng AB cho trước ta phải tiến hành như thế nào ?*  - GV chốt kiến thức ( hướng dẫn cách vẽ cung chứa góc) | - Hs: theo dõi  - Hs: Đọc ?2 thực hiện theo yêu cầu SGK  (1Hs lên dịch chuyển tấm bìa và đánh dấu vị trí các đỉnh góc ( ở cả hai nửa mặt phẳng bờ AB ))  -…chỉ có 1 đtròn đi qua.  -Tâm O nằm trên tia Ay  Ax.  - OA = OB nên O d là trung trực của AB.  - Ay cố định vì Ax cố định  - d cố định vì AB cố định  O cố định.  M  của (O, OA).  c/m ..  - Hs: Nêu cách vẽ  -Theo dõi và vẽ cung chứa góc. | **?2**  a) Phần thuận:  Ta xét điểm M thuộc nửa mp có bờ là AB. Giả sử M thỏa mãn .  Vẽ  đi qua 3 điểm A, M, B và tia tiếp tuyến Ax của đ.tròn chứa  .  Vì  cho trước, AB cố định  Ax cố định  tâm O nằm trên tia Ay cố định (Ay Ax).  Mà OA = OB  O d là đường trung trực của AB  O cố định, không phụ thộc vào M.  Vì 00 < < 1800 nên Ay luôn cắt d  M   cố định tâm O, bán kính OA.  b) Phần đảo:  Lấy M’    Đối với nửa mp bờ AB còn lại ta cũng có KL tương tự.  c) KL: SGK tr 85.    \*Chú ý: SGK |
| **Hoạt động 2*: Cách giải bài toán quỹ tích – Củng cố*** ( 20 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS xác định được quỹ tích điểm M cần tìm ở bài tập 44 sgk, lưu ý một số trường hợp phải tìm giới hạn quỹ tích.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| *? Qua bài toán vừa học trên , muốn chứng minh quỹ tích các điểm M thỏa mãn tính chất  là một hình H nào đó, ta cần tiến hành những phần nào ?*  B  C  A  I  1  2  2  1  - Gv: Yêu cầu 1 Hs đọc cách giải bài toán quỹ tích ( Ghi trên bảng phụ)  *? Xét bài toán quỹ tích cung chứa góc vừa chứng minh thì các điểm M có tính chất  là tính chất gì ?*  *? Hình H trong bài toán này là gì ?*  - Gv chốt kiến thức thông qua việc lưu ý Hs: Có những trường hợp phải giới hạn , loại điểm nếu hình hình không tồn tại .  Yêu cầu Hs làm bài 44 SGK để củng cố | - HS: Ta cần chứng minh  Phần thuận : Mọi điểm có tính chất  đều thuộc hình H  Phần đảo: Mọi điểm thuộc hình H đều có tính chấtt  - 1Hs: Đọc cách giải bài toán quỹ tích  - Hs: Trong bài toán quỹ tích cung chứa góc, tính chất  của các điểm M là tính nhìn đoạn thẳng AB cho trước dưới một góc bằng  ( hay  không đổi)  - Hs: Hình H trong bài toán này là 2 cung chứa góc  dựng trên đoạn AB .  - Hs: Theo dõi .  Hs cùng Gv chữa bài | **2. Cách giải bài toán quỹ tích.**  SGK  **Bài 44**  a) Vì ΔABC (Â = 90o)  ⇒  = 90o  mà BI là p/g của  CI là pg của  ⇒  - Xét Δ BIC có  = 45o  ⇒ BIC = 135o (đl tổng 3 góc)  vì BC cố định  ⇒ B; C cố định  mà A di động  ⇒ I di động theo  mà  = 135o  ⇒ I di động luôn nhìn BC dưới một góc 135o không đổi  => quĩ tích điểm I là 2 cung chứa góc 135o đối xứng nhau qua BC. |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (3 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV chốt lại kiến thức về bài toán quỹ tích cơ bản | HS lắng nghe, ôn tập. | Ôn lại một số tập hợp điểm (bài toán quỹ tích cơ bản)   1. Tập hợp các điểm M cách điểm O cho trước một khoảng r cho trước không đổi là đường tròn tâm O bán kính R. 2. Tập hợp các điểm cách dều 2 đầu mút của đoạn thẳng là đường trung trực của đoạn thẳng ấy. 3. Tập hợp các điểm cách đều 2 cạnh của 1 góc là đường phân giác của góc đó. |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã chữa. * Làm bài 45,46,47 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 49**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Vận dụng các quỹ tích cơ bản vào giải các bài toán quỹ tích khác, làm được các bài tập dạng cơ bản có liên quan.

1. ***Kỹ năng***

* Thành thạo kĩ năng vẽ cung chứa góc α. Kĩ năng trình bày bài toán quỹ tích.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được quỹ tích cung chứa góc trong bài 45, nêu các bước giải bài toán quỹ tích.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | |
| *? Phát biểu quỹ tích cung chứa góc? Cách giải một bài toán quỹ tích?*  D  A  B  C  O  Gv gọi 1 Hs chữa bài 45 SGK  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  G gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | **Bài 45**    Hình thoi ABCD; 2 đường chéo AC, BD; AC ⊥ BD = {O}  ⇒ AÔB = 900  Cạnh AB cố định  ⇒ điểm A, B cố định  Đỉnh C, D di động  ⇒ điểm O di động theo  mà AÔB = 90o không đổi  ⇒ quĩ tích điểm O là 2 cung chứa góc 90o (hay 2 cung có số đo bằng 180o) vẽ đối xứng nhau qua AB.  \* Đảo lại - Kết luận (bổ sung ở cuối tiết) |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (33 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 48, 50 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | |
| Bài 48/ SGK  Gv gọi HS đọc đầu bài  - Yêu cầu HS vẽ khoảng 3 đường tròn tâm B vẽ tiếp 3 tiếp tuyến đi qua A với các đường tròn đó tại các tiếp điểm M; M1; M2.  *? Hãy dự đoán quĩ tích các tiếp điểm M nằm ở đâu? tại sao?*  *? Nếu M, M1, M2 là các tiếp điểm thì*  = ? = ?*;* *= ? tại sao?*  *? Tâm của cung tròn đó nằm ở đâu? Vì sao?*  Gv gọi 3 Hs lên bảng làm bài (Tương ứng với 3 TH)  Gv gọi hs nhận xét, bổ sung  Gv chốt kiến thức thông qua những lỗi sai của hs  Bài 50/ SGK  Gv gọi HS đọc đầu bài  Gv gọi Hs lên bảng vẽ hình  Gv cho Hs thảo luận nhóm đôi, chứng minh câu a  Gv treo bảng phụ có lời giải và cho các nhóm nhận xét chéo  Gv gợi ý: Ta thấy  luôn không đổi, I luôn nhìn AB dưới một góc không đổi  *? Hãy dự đoán tập hợp các điểm I?*  \* CM thuận:  *? Ta phải cm điều gì?*  \* CM đảo:  *? Ta phải chứng tỏ điều gì?*  Gv cùng Hs chữa bài  Gv chốt kiến thức và nhấn mạnh các bước làm bài toán quỹ tích | - Hs đọc đề bài.  - Hs lên bảng vẽ hình.  -Hs dự đoán  Hs trả lời  Hs làm bài vào vở  (3 Hs lên bảng c/m)  - Hs nhận xét, bổ sung (Nếu cần)  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm  - Hs đọc đề bài.  - 1 Hs lên bảng vẽ hình.  -Hs thảo luận theo nhóm trong 5 phút.  - Hs nhận xét chéo  Hs hoàn thiện bài vào vở  Hs quan sát hình vẽ  Hs dự đoán  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs cùng Gv chữa bài  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **Bài 48** (15 phút)  a) Xét các đường tròn tâm B bán kính nhỏ hơn BA    Các đường tròn tâm B; vẽ tiếp tuyến đi qua điểm A cố định với các đường tròn tâm B có các tiếp điểm M; M1; M2.  Ta có  = 90o  = 90o  = 90o  ⇒ các tiếp điểm M luôn nhìn đoạn AB dưới một góc 90o.  Hay quĩ tích các tiếp điểm M là đường tròn Đkính AB đối xứng nhau qua AB.  b) Trường hợp đường tròn tâm B; bán kính BA ⇒ quĩ tích là điểm A  c) Trường hợp đường tròn tâm B; bán kính lớn hơn AB  ⇒ không có quĩ tích.  **Bài 50** (18 phút)  a) Ch/m  không đổi?  vì  = 90o (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn)  ⇒ Δ BMI vuông tại M.  Ta có  (vì MI = 2MB)  ⇒ = 26o34'  hay không đổi    b) \* Thuận  M di động trên (O)  ⇒ I di động nhưng  = 26o34' không đổi (cmt)  => I luôn nhìn AB dưới 1 góc không đổi 26o34'  ⇒ I ∈ 2 cung chứa góc 26o34' dựng trên đoạn thẳng AB (2 cung AmB và Am'B)  \* Đảo  Lấy I' bất kỳ ∈  I'A ∩ đường tròn đkAB tại M'  Δ BM'I' vuông tại M’ có    ⇒ M'I' = 2 M'B  **\* Kết luận:**  Quĩ tích điểm I là 2 cung AmB và Am'B. |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã chữa. * Làm bài 49 sgk.   **Bài mới**   * Đọc trước bài: “Các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp đường tròn.”. * Trả lời các ? trong sgk. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 50**: **TỨ GIÁC NỘI TIẾP**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được khái niệm tứ giác nội tiếp đường tròn, tính chất về góc của tứ giác nội tiếp.

- Nêu được điều kiện để một tứ giác nội tiếp được.

- Áp dụng được kiến thức về tứ giác nội tiếp vào làm một số bài tâp cơ bản.

1. ***Kỹ năng***

* Thành thạo kĩ năng vẽ hình.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán, Năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực hợp tác. Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp, Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Khái niệm tứ giác nội tiếp*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhận biết được tứ giác nội tiếp từ trực quan, phân biệt được sự khác nhau giữa 2 loại tứ giác.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | | |
| -Treo bảng phụ, cho hs phát hiện sự khác nhau giữa 2 loại tứ giác (có 4 đỉnh cùng nằm trên một đường tròn và không cùng …)  - GV giới thiệu tứ giác nội tiếp.  *? Vậy tứ giác như thế nào được gọi là tứ giác nội tiếp?*  Gv giới thiệu định nghĩa và cho hs phát biểu lại  GV chốt kiến thức | | - Quan sát bảng phụ.  - Phân biệt sự khác nhau giữa hai loại tứ giác.  - Trả lời.  - Hs chú ý lắng nghe và phát biểu | **I. Khái niệm tứ giác nội tiếp**    VD: Tứ giác ABCD là tứ giác nội tiếp (O).  Khái niệm: Tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn (O) ⇔ 4 đỉnh A, B, C, D cùng ∈ (O) |
| **Hoạt động 2*: Định lí*** ( 16 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được nội dung định lí, nhận xét được bài làm của bạn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | |
| - Gọi 1 hs đọc nd định lí.  - Gọi 1 hs lên bảng vẽ hình, ghi gt – kl. | | - Đọc nd định lí.  - 1 hs lên bảng vẽ hình, ghi gt – kl. | **2.Định lí.** |
| - Gv gọi Hs nhận xét  - Gọi 1 hs lên bảng c/m.  (Cả lớp làm vào vở)  - Gv gọi Hs nhận xét  -Treo bảng phụ ghi nội dung bài 53 tr 89 SGK  - Gọi hs lên bảng điền.  Gọi Hs nhận xét | Hs nhận xét và bổ sung (Nếu cần)  -hs lên bảng c/m.  - Nhận xét. Bổ sung.  - Quan sát đề bài.  - hs lên bảng làm bài.  - hs dưới lớp làm vào vở.  - Quan sát bài làm trên bảng, nhận xét. | | Chứng minh SGK  **Bài 53**  Với 00 <  < 1800. |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Góc | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | |  | 800 | **750** | 600 | **1060** | 950 | |  | 700 | **1050** |  | 650 | **820** | |  | **1000** | 1050 | 1200 | 740 | **850** | |  | **1100** | 750 | **1800 –** | **1150** | 980 | | | | |
| **Hoạt động 3: *Định lí đảo*** ( 13 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được mệnh đề đảo của định lí, nêu được cách chứng minh định lí.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | | |
| - Phát biểu mệnh đề đảo của đl? GV giới thiệu “mệnh đề đảo đó đúng…”  - Nêu GT – KL của đl đảo?  - Cho hs thảo luận theo nhóm, c/m đl  -Theo dõi độ tích cực của hs khi làm bài.  - Gv: Yêu cầu các nhóm trình bày lời giải trên bảng phụ  Gv yêu cầu Hs nhận xét chéo bài nhau. GV đánh giá và chốt kiến thức | - Hs phát biểu  -1 hs nêu gt – kl.  - Nhận xét.  -Thảo luận theo nhóm.  - Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong nhóm.  - Hs: Trình bày lời giải của nhóm mình trên bảng phụ .  - Hs nhận xét.  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | | **3. Định lí đảo**    Chứng minh  SGK |
| **Hoạt động 4: *Luyện tập*** ( 4 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | |
| Gv cho Hs phát biểu các tính chất của tứ giác nội tiếp  HD hs chữa bài 57 SGK  Gv chốt kiến thức toàn bài | Hs phát biểu  Hs chú ý lắng nghe  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | | **Bài 57**    Tính góc MAB ( và góc BAD và góc DAM đã biết).  Tính góc BCM ( vì tam giác MBC cân tại M).  Tính góc AMB ( vì MAB cân tại M).  Tính góc AMD.  Tính góc DMC.  Sử dụng ABCD là tứ giác nội tiếp để tính góc BCD (điều cp tìm). |
| **Hoạt động 5*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**   * Học thuộc định lí, định lí đảo. * Làm bài 54,56,57,58 sgk trang 89.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 51**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Vận dụng được tính chất của tứ giác nội tiếp để chứng minh, làm được các bài tập dạng cơ bản có liên quan.

- Chứng minh được một tứ giác nội tiếp đường tròn.

1. ***Kỹ năng***

* Thành thạo kĩ năng vẽ hình và trình bày bài toán hình.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu lại tính chất tứ giác nội tiếp, vận dụng được kiến thức làm bài 56.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn.  A  D  F  C  B  E  20o  40o  1  1  3  1  2 | | |
| *? Phát biểu tính chất tứ giác nội tiếp?*  Gv gọi 1 Hs chữa bài 56 SGK  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  Gv gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | ***Bài 56***  Ta có  (t/c góc ngoài Δ BCE)  (t/c góc ngoài Δ CDF)    mà  (đđ)      mà  ⇒ |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (33 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập chứng minh đoạn thẳng, góc bằng nhau, chứng minh 2 đoạn thẳng song song.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Gv yêu cầu Hs đọc bài 59 SGK  - Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gọi hs lên bảng vẽ hình  - Gv gọi Hs nhận xét.  - Gv HD Hs lập sơ đồ phân tích chứng minh AD = AP  - Gv nhận xét, bổ sung nếu cần.  Gọi 1 Hs lên bảng làm bài  Cả lớp làm vào vở  Gọi Hs nhận xét  Gv gợi ý hs chứng minh  QR // ST  Cho Hs HĐN đôi làm bài, cho 1 nhóm làm vào bảng phụ  Yêu cầu Hs chấm chéo  Gv đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức  Gv yêu cầu Hs đọc bài 60 SGK  - Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gọi hs lên bảng vẽ hình  - Gv gọi Hs nhận xét.  - Gv HD Hs lập sơ đồ phân tích chứng minh QR // ST  Gọi 1 Hs lên bảng làm bài  (Cả lớp làm vào vở)  Gv gọi hs khác nhận xét  Gv đánh giá và chữa đúng  Gv chốt kiến thức | Hs đọc bài  - Nghiên cứu hình đè bài và 1 Hs lên bảng vẽ hình  Hs nhận xét  - Theo dõi, lập sơ đồ phân tích.  AD = AP    ADP cân tại A              - hs lên bảng làm bài.  - hs dưới lớp làm vào vở  - Nhận xét.  Hs HĐN theo yêu cầu.  Hs nhận xét chéo  Hs chú ý lắng nghe, rút kinh nghiệm  - Theo dõi, lập sơ đồ phân tích.  QR // ST        và      - 1 hs lên bảng làm bài.  - hs dưới lớp làm vào vở  - Nhận xét.  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | ***Dạng 1:* *Chứng minh đoạn thẳng (góc) bằng nhau*** (19 phút)  **Bài 59**    a) Ta có ( T/c hbh)  = 1800 ( vì ABCP là tứ giác nội tiếp)  mà = 1800 ( hai góc kề bù)  APD cân tại A  AD = AP  b) Vì AB // CP  tg ABCP là hình thang (1)  mà  (2 góc SLT)  ( cmt)  (2)  Từ (1) và (2)  ABCP là hình thang cân.  ***Dạng 2:* *Chứng minh hai đoạn thẳng song song*** (14 phút)  **Bài 60**    Ta có = 1800 ( hai góc kề bù)  mà = 1800 (T/c tg nội tiếp)   (1)  Tương tự, ta có  (2)  (3)  Từ (1), (2), (3)  Mà chúng ở vị trí SLT  QR // ST. |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã chữa. * Làm bài 42 sbt.   **Bài mới**   * Đọc trước và tìm hiểu trước: các dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp đtròn |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

# Tiết 52: ĐƯỜNG TRÒN NGOẠI TIẾP - ĐƯỜNG TRÒN NỘI TIẾP

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được định nghĩa, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác.

- Nhận biết được bất cứ một đa giác đều nào cũng có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp.

- Vẽ được tâm của đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước.

- Tính được cạnh a theo R và ngược lại tính được R theo cạnh a của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

1. ***Kỹ năng***

* Quan sát tốt hình vẽ, dự đoán và xây dựng được sơ đồ tính.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

Gv ĐVĐ: Ta đã biết với bất kì tam giác nào cũng có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp. Còn với đa giác thì sao? Có phải mỗi đa giác đều có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp? Chúng ta cùng nghiên cứu bài học ngày hôm nay để tìm hiểu kĩ hơn điều này.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1*: Định nghĩa*** (20 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS quan sát hình 49 trên slide hoặc bảng phụ, nhận xét về vị trí các đỉnh của hình vuông với đường tròn (O, R), từ đó nhận xét đường tròn nội tiếp đa giác.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, giải quyết vấn đề. | | | |
| - Gv vẽ hình 49 lên bảng phụ và yêu cầu Hs quan sát  *? Em có nhận xét gì về vị trí các đỉnh của hình vuông với đường tròn (O;R)?*  - Gv giới thiệu: Người ta nói đường tròn (O;R) ngoại tiếp hình vuông.  Gv cho Hs quan sát và giới thiệu thêm về đường tròn ngoại tiếp lục giác đều  - Gv: Các hình trên được gọi chung là đa giác. Vậy thế nào là đường tròn ngoại tiếp đa giác?  - Gv chốt nhấn mạnh định nghĩa  *? Nhận xét về vị trí hình vuông và (O;r)?*  - Gv giới thiệu: Người ta nói đường tròn (O;r) nội tiếp hình vuông.  Gv cho Hs quan sát và giới thiệu thêm về đường tròn nội tiếp lục giác đều  *? Vậy thế nào là đường tròn nội tiếp đa giác?*  - Gv gọi Hs đứng tại chỗ phát biểu định nghĩa  (Gọi Hs khác phát biểu lại)  *? Quan sát hình 49 em có nhận xét gì về tâm đường tròn nội tiếp và tâm của đường tròn ngoại tiếp hình vuông ABCD?*  ?Giải thích tại sao r = ?  (Nếu Hs không giải thích được Gv có thể gợi ý)  - Gv: Cho Hs đọc và thực hiện ?  *? Làm thế nào vẽ được lục giác đều nội tiếp đường tròn (O)?*  - Gv: y/c 1 Hs lên bảng vẽ, hs dưới lớp vẽ vào vở.  - Gv gọi Hs nhận xét  - Gv: nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *? Vì sao tâm O cách đều các cạnh của lục giác đều?*  Gv chốt kiến thức: Các tam giác đều, hình vuông, lục giác đều luôn có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp. | | - Hs: Quan sát hình vẽ trên bảng phụ.  - Hs: trả lời  - Hs: chú ý lắng nghe  - Hs quan sát  Hs trả lời  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và quan sát  - Hs trả lời  - Hs phát biểu định nghĩa.  - Hs: trả lời  - Hs: giải thích  Xét △OIC vuông tại I có  = 450  OI = R.sin450 =  Hay r =  - Hs: Đọc và làm ? theo các bước của ?  - Hs:  B1: Vẽ △OAB đều có AB = OA = OB = R = 2cm  B2: Vẽ (O; 2cm)  B3: Vẽ các dây cung  AB = BC = CD = DE = EF = FA = 2cm  - 1Hs: Lên bảng vẽ. Dưới lớp vẽ vào vở.  - Hs nhận xét và hoàn thiện bài vào vở  - Hs: trả lời  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **1. Định nghĩa.**  SGK tr91    **?**  - Vẽ (O; 2cm).  - Vẽ lục giác đều ABCDEF nội tiếp (O).    - Tâm O cách đều tất cả các cạnh của lục giác đều vì các cạnh này là các dây bằng nhau của (O).  - Vẽ đường tròn (O; r) nội tiếp lục giác đều. |
| **Hoạt động 2*: Định lí*** ( 10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu và nhắc lại được nội dung định lí.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | |
| *? Dựa vào các hình trên bảng, rút ra về số đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp đa giác đều?*  *? Hai đường tròn này có mối quan hệ như thế nào với nhau?*  - Gv: Nhận xét trên chính là nội dung định lí SGK tr91  Gv yêu cầu Hs đọc nội dung định lí  - Gv chốt kiến thức bằng cách nhấn mạnh về tâm của đa giác đều | Hs: Mỗi đa giác đều có 1 đường tròn ngoại tiếp, có 1 đường tròn nội tiếp và chúng đồng tâm.  Hs chú ý lắng nghe  Hs: Đọc nội dung định lý .  - Hs: Chú ý lắng nghe và ghi nhớ. | | **2. Định lí.**  SGK tr 91 |
| **Hoạt động 3: *Luyện tập*** ( 10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập 63 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, giải quyết vấn đề. | | | |
| Gv gọi Hs đọc bài 63 SGK tr92  HD hs chữa bài  Gv gọi Hs lên bảng vẽ hình  Gv gọi Hs nhận xét  Yêu cầu Hs nêu cách tính cạnh của các hình đó theo R  (Bổ sung: Tính R theo số đo cạnh của đa giác)  Gv cùng hs chữa bài  Gv chốt kiến thức toàn bài | | Hs đứng tại chỗ đọc bài  Hs chú ý lắng nghe  Hs lên bảng vẽ hình  Cả lớp làm vào vở  Hs nhận xét  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **Bài 63**  HINH  Gọi cạnh của đa giác là a  - Tính a theo R:  Hình lục giác đều: a = R  Hình vuông: a = R  Hình tam giác đều: a = R  - Tính R theo a:  Hình lục giác đều: R = a  Hình vuông: R =  Hình tam giác đều: R = |
| **Hoạt động 4*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Đọc và học lại bài. * Xem lại bài 63 sgk, làm bài 61,62,64 sgk   **Bài mới**   * Đọc trước bài độ dài đường tròn, cung tròn. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

(Gv HD bài 62 :

b) Vẽ (O) ngoại tiếp ABC bằng cách xác định giao hai đường trung trực của hai cạnh trong tam giác. Tính R bằng cách có AH = AB sin600 và R = AO = 

c) Vẽ (O; r) nội tiếp tam giác BAC bằng cách xác định giao hai đường phân giác của góc trong tam giác

- Tính r = OH = 

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

# Tiết 53: ĐỘ DÀI ĐƯỜNG TRÒN – CUNG TRÒN

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được công thức tính độ dài đường tròn C = 2R (hoặc C = d), biết số pi

() là gì.

- Vận dụng các công thức C = 2R, C = d vào tính các đại lượng chưa biết của công thức để giải một số bài toán thực tế.

1. ***Kỹ năng***

* Cẩn thận chính xác trong tính toán, vận dụng các công thức linh hoạt, nhanh nhẹn; thấy được các ứng dụng thực tế của các công thức toán học và sự thú vị của số pi.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY*** | | ***HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ*** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Công thức tính độ dài đường tròn*** (18 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được công thức tính chu vi đường tròn đã học, nêu được công thức tính độ dài đường tròn, nhận biết được số pi.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, quan sát, giải quyết vấn đề. | | | |
| **- Y**êu cầu HS nhắc lại công thức tính chu vi đường tròn đã học.  **-** Giới thiệu: 3,14 là giá trị gần đúng của số vô tỉ pi (kí hiệu: )  Vậy C = d hay C = 2 R vì d = 2R.  **-** Hướng dẫn HS thực hiện  bằng các đồ dùng đã làm trước ở nhà. (đã cho HS về nhà thực hiện theo nhóm và điền vào bảng sẵn).  *?Có nhận xét gì về tỉ số  so với số 3,14?* | | - Chu vi đường tròn bằng đường kính nhân với 3,14.  C = d. 3,14  Trong đó C là chu vi đường tròn, d là đường kính của đường tròn.  - Thực hiện sẵn các đồ dùng ở nhà, thực hành trên lớp và điền vào bảng.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đường tròn | (O1) | (O2) | (O3) | (O4) | | C (cm) | 6,3 | 13 | 29 | 17,3 | | d (cm) | 2 | 4,1 | 9,3 | 5,5 | | (cm) | 3,15 | 3,17 | 3,12 | 3,14 |   - Giá trị của . | **1.Công thức tính độ dài đường tròn**  C = d hay C = 2 R  (vì d = 2R).  Trong đó C là chu vi đường tròn, d là đường kính của đường tròn. |
| *?Vậy số  là gì ?*  **-** Yêu cầu HS làm bài tập 65 trang 94 SGK.(Đề bài trên bảng phụ)   * Hướng dẫn: vận dụng công thức:     Gv chốt kiến thức | | -  là tỉ số giữa độ dài đường tròn và đường kính của đưòng tròn đó.  - Thực hiện bài tập 65 trang 94 SGK  - Vài HS lên điền vào bảng phụ  C = |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | R (cm) | 10 | **5** | 3 | **1,5** | **3,18** | **4** | | d (cm) | **20** | 10 | **6** | 3 | **6,37** | **8** | | C (cm) | **62,8** | **31,4** | **18,84** | **9,42** | 20 | 25,12 | | |
| ***Hoạt động 2: Công thức tính độ dài cung tròn*** (16 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được công thức tính độ dài cung tròn, áp dụng được công thức làm bài tập 66,67 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, hoạt động nhóm. | | | |
| - Hướng dẫn HS lập luận để xây dựng công thức:  ? Đường tròn bán kính R có độ dài tính như thế nào?  ? Đường tròn ứng với 3600, vậy cung 10 có độ dài tính như thế nào?  ? Cung n0 có độ dài bằng bao nhiêu?  ? Em có thể rút ra kết luận gì?  - Yêu cầu HS thực hiện bài tập 66 SGK trang 95  - Gọi HS nêu tóm tắt đề bài.  a) Hãy tính độ dài cung tròn 600 có bán kính bằng 2dm?  b) Hãy tính chu vi vành xe đạp có đường kính 650 (mm)?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài tập 67 tr 95 SGK trong khoảng thời gian 4 phút.(Đề bài ghi sẵn trên bảng phụ)  - Thu và lần lượt đưa kết quả vài nhóm lên bảng  - Yêu cầu HS nhận xét bổ sung  - Gv nhận xét và chốt lại các công thức:  và n0 . | | + Ta có C = 2R  + Cung 10 có độ dài  + Cung n0 có độ dài.    Hs:  *Với: l: là độ dài cung tròn.*  *R: Bán kính đường tròn.*  *n: số đo độ của cung tròn*.  - Làm bài tập theo hướng dẫn  - Tóm tắt  n0 = 600  R = 2 dm  l =?  a)  l=  b) C = d 3,14.650 2041  **-** Hoạt động nhóm làm bài tập 67 (trang 95 SGK) trên bảng nhóm.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **R(cm)** | 10 | **40,8** | 21 | | **n0** | 900 | 500 | **56,80** | | **l(cm)** | **15,7** | 35,6 | 20,8 |   - Vài HS nhận xét bổ sung | **2. Công thức tính độ dài cung tròn**    Với  l: là độ dài cung tròn.  R: Bán kính đường tròn.  n: số đo độ của cung tròn. |
| ***Hoạt động 3: Luyện tập*** (9 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | |
| - Yêu cầu HS nhắc lại: Công thức tính độ dài đường tròn, giải thích các kí hiệu trong các công thức trên.  - Giới thiệu bài tập 69 SGK, yêu cầu HS tóm tắt đề toán.  ? Để giải bài toán ta cần tính các yếu tố nào?  - Yêu cầu HS trình bày từng đại lượng, ghi bảng  *- Chốt lại:* Qua bài toán này cho chúng ta biết được một trong những ứng dụng thực tế của toán học | | - Vài HS nhắc lại:  và giải thích các kí hiệu có trong công thức.  - Ta cần tính chu vi bánh sau, chu vi bánh trước, quãng đường xe đi được khi bánh sau lăn được 10 vòng. Từ đó tính được số vòng lăng của bánh trước.  Hs làm bài  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | **Bài 69** |
| **Hoạt động 4*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Đọc bài và học bài, học thuộc công thức tính độ dài đường tròn và độ dài cung tròn, các công thức suy ra từ công thức này. * Làm bài 66,68,71 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau sau luyện tập. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 54**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Vận dụng được các kiến thức đã học về tính độ dài đường tròn, cung tròn vào tính các đại lượng chưa biết của các công thức và vận dụng để giải một số bài toán thực tế.

- Nhận xét và rút ra cách vẽ một số đường cong chắp nối, tính được độ dài các đường cong đó, giải được một số bài toán thực tế.

1. ***Kỹ năng***

* Có tính cẩn thận khi giải bài tập, tư duy suy luận, chính xác.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS phát biểu được công thức về tính độ dài đường tròn, cung tròn, HS nhắc lại được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập 71.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan. | | |
| *? Phát biểu công thức về tính độ dài đường tròn, cung tròn ?*  Gv gọi 1 Hs chữa bài 71 SGK (Gv treo hình lên bảng phụ)  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  Gv gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | ***Bài 71***    Vậy độ dài đường xoắn ốc là: |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (33 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Yêu cầu HS đọc đề bài 72 SGK  GvHD HS tính  bằng sơ đồ ngược  = ?  ⇑  = Sđ  ⇑  Sđ  =  ⇑      Gv cùng Hs chữa bài  GV lưu ý vận dụng các công thức một cách linh hoạt  Cho HS đọc đề bài tập 74 SGK, treo bảng phụ hình vẽ    Yêu cầu HS tóm tắt đề bài yêu cầu HS nêu công thức tính?  Gọi 1 Hs lên bảng chữa bài  Lưu ý HS ghi nhớ để sử dụng cho các môn học khác  Giới thiệu bài tập 75 SGK. Treo bảng phụ hình vẽ sẵn  Gợi ý:  + Gọi số đo của , hãy tính ?  + OM = R, tính O’M.  Hãy tính .  Gv cho Hs HĐN đôi làm bài  Gv chữa bài và cho Hs chấm chéo  Gv đánh giá và chốt kiến thức | Hs đọc bài  Hs chú ý lắng nghe, quan sát và cùng Gv xây dựng sơ đồ chứng minh ngược  Hs chữa bài  Hs chú ý lắng nghe  Đọc đề, tóm tắt đề bài:  C = 40 000 km  n0 = 20001'  Tính l  Hs lên bảng chữa bài  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  +  + OM = R  Hs HĐN, tự giác làm bài  Hs quan sát và chấm chéo  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài | **Dạng 1: *Tính số đo góc***  **Bài 72**  O  A  B  Áp dụng công thức:    ⇒    ⇒ Sđ  = 133o  mà  = Sđ  ⇒  = 133o  **Dạng 2: *Tính độ dài cung tròn***  **Bài 74**  Đổi 20001’20,01660.  Độ dài cung kính tuyến từ Hà Nội đến xích đạo là:    **Bài 75** |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài tập đã chữa. * Làm bài 73,76 sgk.   **Bài mới**   * Đọc trước cách tính diện tích hình tròn, hình quạt. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

# Tiết 55: DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN, HÌNH QUẠT TRÒN

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được công thức tính diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn.

- Vận dụng được các công thức đã học vào giải một số bài toán thực tế.

1. ***Kỹ năng***

* Cẩn thận, chính xác trong tính toán, vận dụng được các công thức linh hoạt, nhanh nhẹn, nhận thức rõ các ứng dụng thực tế của các công thức toán học.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (*Kết hợp trong bài*).

**3.Bài mới** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | | | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Công thức tính diện tích hình tròn*** (14 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được công thức tính diện tích hình tròn, phát biểu chính xác công thức tính diện và vận dụng nhanh vào bài 77 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, giải quyết vấn đề. | | | | |
| *? Hãy nêu công thức tính diện tích hình tròn đã biết.*  - Gv: Qua bài trước ta đã biết 3,14 là giá trị gần đúng của  . *Vậy công thức tính diện tích hình bán kính R là gì?*  - Gv: Gọi hs tính diện tích hình tròn khi R = 3 cm.  Gọi Hs nhận xét, bổ sung  (Gv có thể cho điểm)  Gv nhấn mạnh Hs cách viết kết quả 9cm2 vẫn được chấp nhận  - Gv yêu cầu Hs làm bài 77 SGK  ? Hãy tóm tắt đầu bài  Gọi Hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở  - Gv gọi Hs nhận xét, đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức | - Hs: S = R.R . 3,14  - Hs: Theo dõi và trả lời : S = R2  -Hs tính  - Hs: Nhận xét, bổ sung nếu cần.  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  Hs đọc bài và tóm tắt  -1 hs lên bảng làm bài dưới lớp làm vào vở  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | | | **1. Công thức tính diện tích hình tròn**  **S = R2**  Áp dụng tính S khi R = 3 cm.  Ta có S = .32  3,14.9 = 28,26 cm2  **Bài 77**  Ta có d = AB = 4cm  R = 2cm  S = R2  3,14.22 = 12,56 cm2. |
| ***Hoạt động 2: Cách tính diện tích hình quạt tròn*** (16 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được công thức tính diện tích hình quạt tròn dựa trên việc tính diện tích hình quạt 10. Vận dụng nhanh kiến thức vào bài 79 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | | |
| *? Nếu chia hình tròn thành 360 phần bằng nhau thì mỗi phần có diện tích là bao nhiêu? Mỗi phần ứng với bao nhiêu độ?*  *? Diện tích hình quạt 10? ? Diện tích hình quạt n0?*  *? Vậy diện tích hình quạt tròn được tính theo công thức nào?*  Gv gọi Hs nhận xét  *(? Bạn nào có ý kiến khác?)*  Gv chốt và nhấn mạnh công thức  - Gv yêu cầu Hs làm bài 79 SGK  ? Hãy tóm tắt đầu bài  Gọi Hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở  - Gv gọi Hs nhận xét, đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức | - Hs: Mỗi phần có diện tích là , mỗi phần ứng với 10.  Hs trả lời hoàn thành **?** SGK tr97  - Hs: Diện tích hình quạt tròn  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ  Hs đọc bài và tóm tắt  - 1 hs lên bảng làm bài dưới lớp làm vào vở  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và ghi bài | | | **2. Cách tính diện tích hình quạt tròn**  **?**  Hình quạt tròn AOB tâm O, bán kính R, cung n0.  hay  Với R là bán kính hình tròn, n là sđ độ của cung tròn, l là độ dài cung tròn.  **Bài 79**  Ta có  ==3,6  11,3 cm. |
| ***Hoạt động 3: Luyện tập*** (13 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | | | |
| *? Nêu công thức tính diện tích hình tròn? Công thức tính diện tích hình quạt tròn?*  Làm bài 81 – 82 SGK (Bài 81 cho Hs HĐN đôi, bài 82 cho Hs thi giải nhanh)  Hs tích cực, tự giác làm bài  **Bài 81**  a) nếu bán kính tăng gấp đội thì diện tích hình tròn tăng gấp 4.  b) Nếu bán kính tăng gấp 3 thì diện tích hình tròn tăng gấp 9.  c) Nếu bán kính tăng gấp k lần thì diện tích hình tròn tăng gấp k2 lần.  **Bài 82**  **Điền vào ô trống trong bảng, làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai.**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Bán kính đường tròn (R) | Độ dài đường tròn  (C) | Diện tích hình tròn  (S) | Số đo của cung tròn  (n0) | Diện tích hình quạt tròn | | a) | **2,1 cm** | 13,2 cm | **13,8 cm2** | 47,5 cm | **1,83 cm2** | | b) | 2,5 cm | **15,7 cm** | **19,6 cm2** | **229,6 cm** | 12,5 cm2 | | c) | **3,5 cm** | **22 cm** | 37,8 cm2 | **1010** | 10,6 cm2 | | | | | |
| **Hoạt động 4: Giao việc về nhà (2 phút)**  ***Mục tiêu***: - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  ***Kĩ thuật sử dụng***: Kĩ thuật viết tích cực  ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Đọc bài và học bài, học thuộc công thức tính diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn và các công thức suy ra từ công thức này. * Làm bài 78,80 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết sau luyện tập. | |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 56**: **LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Vận dụng được các công thức tính diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn vào tính các đại lượng chưa biết của các công thức và vận dụng một số bài toán thực tế.

- Xác định được hình viên phân, hình vành khăn và cách tính diện tích các hình đó. Giải được một số bài toán thực tế.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được kiến thức làm bài tập.
* Có tính cẩn thận khi giải bài tập, tư duy suy luận, chính xác.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Thước, compa, thước đo góc, bảng phụ , phấn màu, bút dạ.

- Hs: Thước, compa, thước đo góc

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** :(1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** : (Kết hợp trong bài)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1 *: Chữa bài tập về nhà*** (10 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS nhắc lại được công thức về tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn. Hs áp dụng được kiến thức làm bài 78 sgk.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, giải quyết vấn đề. | | |
| *? Phát biểu công thức về tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn ?*  Gv gọi 1 Hs chữa bài 78 SGK  Gv yêu cầu lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  (kiểm tra nhanh 1 số vở của 1 số Hs)  Gv gọi hs nhận xét bài trên bảng  Gv đánh giá ý thức học và làm bài về nhà của Hs và cho điểm | Hs đứng tại chỗ phát biểu  1 hs lên bảng chữa bài  Lớp phó học tập báo cáo tình hình làm btvn  Cả lớp lấy vở bài tập về nhà ra xem lại bài đã làm và quan sát bài trên bảng  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm | **Bài 78**  Áp dụng công thức tính chu vi hình tròn ta có :  C = 2R ⇒ R =  =  = 1,91 (cm)  Áp dụng công thức tính diện tích hình tròn ta có :  S = = 3,14 . 1,912 = 11,46 (cm2)  Vậy chân đống cát chiếm một diện tích là 11,46 cm2 . |
| **Hoạt động 2 *: Luyện tập*** (33 phút)  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn. | | |
| Bài tập 83 trang 99 SGK  -GV treo bảng phụ có hình vẽ  Yêu cầu Hs nêu cách vẽ  *? Nêu cách tính diện tích phần gạch sọc?*  Gv gọi Hs lên bảng tính  Gọi Hs dưới lớp nhận xét  *? Có cách nào khác để tính diện tích phần gạch sọc không?*  *? Hãy nêu cách tính diện tích hình tròn đường kính NA*  Gv cùng Hs chữa bài  Gv chốt kiến thức  Bài 85 trang 100 SGK  - GV giới thiệu khái niệm hình viên phân.  - GV vẽ hình viên phân AmB  *? Làm thế nào để tính được diện tích hình viên phân?*  - Gọi 1 HS lên bảng trình bày.  (Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở)  Gọi HS dưới lớp nhận xét, đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức  Bài tập 86 trang 100 SGK  - GV giới thiệu khái niệm hình vành khăn: Hình vành khăn là phần hình tròn nằm giữa hai đường tròn đồng tâm.  - GV vẽ hình lên bảng  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài tập.  Gv chấm bài nhóm nhanh nhất và yêu cầu các nhóm còn lại chấm chéo  Gv đánh giá và cho điểm  Gv chốt kiến thức toàn bài | - HS nêu cách vẽ và vẽ hình vào vở.  +Vẽ  (M) có đường kính HI = 10 cm  + Lấy HO = BI = 2 cm trên đường kính HI.  + Vẽ 2 nửa đường tròn đường kính HO và BI cũng phía với nửa (H).  +Vẽ nửa đường tròn đường kính OB  phía với  Đường thẳng vuông góc với HI tại M  (M) tại N và  tại A  Hs trả lời  1 HS lên bảng tính  Hs nhận xét  Hs trả lời  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài  - HS nghe GV giới thiệu và vẽ hình viên phân.  -HS: Ta lấy diện tích hình quạt tròn OAB trừ đi diện tích tam giác OAB  Hs lên bảng trình bày  Dưới lớp tự giác làm bài  Hs nhận xét  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện bài vào vở  -Hs nghe GV giới thiệu và vẽ hình vào vở.  - HS hoạt động nhóm làm bài tập  - Các nhóm quan sát bài trên bảng và chấm chéo bài nhau  Hs chú ý lắng nghe và ghi nhớ | **Bài 83**  N  B  I  H  O  A  M  b)Tính SHOABINH = ?      c)Ta có  NA=NM+MA= 5+3 =8 (cm) .  => Bán kính đường tròn đó là  R=  => Diện tích hình tròn đường kính NA là S =  Vậy S hình tròn đường kính  NA= SHOABINH  **Bài 85**  HINH  Tam giác OAB là tam giác đều có cạnh R = 5,1cm. Áp dụng công thức tính diện tích tam giác đều cạnh a là , ta có  (1)  Diện tích hình quạt tròn AOB là  (2)  Từ (1) và (2) suy ra diện tính hình viên phân là:    Thay R = 5,1 cm, ta có  S viên phân  (cm2)  **Bài 86**  HINH  a) Diện tích hình tròn (O; R1) là  S1 =  Diện tích hình tròn (O; R2) là  S2 =  Diện tích hình vành khăn là:  S = S1 – S2  =  b) Thay số:  S = 3,14  =155,1 (cm2) |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Xem lại các bài đã chữa. * Làm bài tập trang 101,102,103 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị tiết ôn tập chương III. * Chuẩn bị trước bài 88,89,90 trang 103,104sgk. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 57**: **ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Hệ thống hóa các kiến thức về góc và đường tròn thông qua một số dạng bài tập cơ bản.

- Vận dụng được các kiến thức đã học làm bài tập.

1. ***Kỹ năng***

* Rèn luyện thêm kĩ năng vẽ hình, đọc hình, làm bài tập trắc nghiệm, tư duy suy luận logic.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Giáo dục tính chính xác, cẩn thận, hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng, êke.

- Hs: Đồ dùng học tập, học bài và đọc trước bài

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** (*Kết hợp trong bài*)

**3.Bài mới** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Luyện tập (42 phút)**  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, giải quyết vấn đề. | | |
| - Gv: Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gv: Gọi 1 hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở .  - Gv: Yêu cầu Hs nhận xét?  - Gv: Nhận xét, bổ sung nếu cần.  ? Nêu các định lí về góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, góc có đỉnh ở trong hay ngoài đường tròn.  - Gv: Yêu cầu Hs Nhận xét?  - Gv: Gọi 1 hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở .  - Gv: nhận xét, bổ sung .  - Gv: Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gv: Gọi các hs lần lượt đứng tại chỗ trả lời.  - Gv: Yêu cầu Hs Nhận xét?  - Gv: Nhận xét, bổ sung nếu cần.  - Gv: Gọi 1 hs lên bảng vẽ hình, dưới lớp vẽ hình vào vở.  - Gv: Yêu cầu Hs Nhận xét?  - Gv: Gọi 3 hs lên bảng, mỗi hs tính cạnh của mỗi hình.  - Gv: Yêu cầu Hs Nhận xét.  - Gv: nhận xét, bổ sung nếu cần.    - Gv:Cho hs nghiên cứu đề bài.  - Gv: Gợi ý ….  Gv gọi Hs đọc bài và phân tích đề bài  - Gv: Gọi 1 hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở .  - Gv: nhận xét và chốt kiến thức | - Hs: Nghiên cứu đề bài.  -1 hs: lên bảng làm bài , dưới lớp làm vào vở .  - Hs: Nhận xét.  Bổ sung.  - Hs: Nêu các định lí về các loại góc trong đường tròn.  - Hs: Nhận xét.  - 1 hs: lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở.  - Hs: Theo dõi .  - Hs: Đọc đề bài .  - Hs: Đứng tại chỗ trả lời  - Hs: Nhận xét .  -1 Hs: Lên bảng vẽ hình .  - Hs: Nhận xét .  - 3Hs: Lên bảng tính  - Hs: Nhận xét .  - Hs:Đọc đề bài , vẽ hình  - 1 hs: lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở .  Hs chú ý lắng nghe và hoàn thiện vở ghi | **Bài 1.**  Cho (O), , . vẽ dây AB, CD.  a) +) sđ nhỏ = sđ,  sđlớn= 3600 – sđ nhỏ = 3600 – a0.  +) sđnhỏ = sđ,  sđlớn= 3600 – sđ nhỏ = 3600 – b0  b) nhỏ = nhỏ  a0 = b0 hoặc AB = CD  c) nhỏ > nhỏ  a0 > b0 hoặc AB > CD  **Bài 2. (Bài 89 tr 104 sgk)**    **a)** sđ= 600   là cung nhỏ  sđ = sđ = 600.  b) sđ= sđ = 300.  c) sđ = sđ = 300.  d)  e)  B**ài 3. đúng hay sai?**  Tứ giác ABCD nội tiếp được một đường tròn nếu có một tròn các điều kiện sau:  1)  2) bốn đỉnh A, B, C, D cách đều điểm I.  3)  4)  5) Góc ngoài tại đỉnh B bằng góc A.  6) Góc ngoài tại đỉnh B bằng góc D.  7) ABCD là hình thang cân.  8) ABCD là hình thang vuông.  9) ABCD là hình chữ nhật  10) ABCD là hình thoi.  **Trả lời:**  các câu đúng là 1,2,4,6,7,9  **Bài 4.**    Cho (O; R). Vẽ lục giác đều , hình vuông, tam giác đều nội tiếp đường tròn. Nêu cách tính độ dài các cạnh đó.  Giải  Với lục giác đều ta có  a6 = R  Với hình vuông ta có  a4 = R  Với tam giác đều ta có  a3 = R  **Bài 5. (Bài 91 tr 104 sgk).**  a) sđ= 3600 – sđ  = 3600 – 750 = 2850  b) l= (cm)  l = (cm)  c) Squạt OapB =  (cm2) |
| **Hoạt động 2*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Ôn tập theo bảng tóm tắt kiến thức cần nhớ. * Làm bài 92,93,94,95,96 sgk.   **Bài mới**   * Tiếp tục ôn tập chương III. Chuẩn bị máy tính bỏ túi. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 58**: **ÔN TẬP CHƯƠNG III – Tiếp**

**I. Mục tiêu**:

***Sau khi học xong bài này, HS cần:***

1. ***Kiến thức***

- Hệ thống hóa được các kiến thức đã học toàn chương.

- Thành thạo kĩ năng vẽ hình, vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập về tính toán, chứng minh.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng được kiến thức làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị**:

- Gv : Phấn mầu, bảng phụ, thước thẳng, compa.

- Hs: Đồ dùng học tập, học bài và đọc trước bài

**III. Tiến trình dạy học**:

**1. Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** (*Kết hợp trong bài*)

**3.Bài mới** :

| **Hoạt động của Gv - Hs** |  | | **Ghi bảng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Luyện tập (42 phút)**  - ***Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học làm bài tập.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, phát vấn, trực quan, giải quyết vấn đề. | | | | | |
| ***Bài 95***. GV hướng dẫn hs chứng minh theo sơ đồ  C  D  B  A  E  B'  H''  H'  O'  1'  2  1  CD = CE  ⇑  CD = CE  ⇑  CD + AB = CE + AB  ⇑  Sđ (CD + AB) = 180o  Sđ (CE + AB) = 180o | hs vẽ hình - cm a | | ***Bài 95*** (110 - SGK)  (O) Δ ABC nội tiếp (O)  Đường cao AA' ∩ BB' tại H  a) CD = CE ?  Ta có  (cặp góc có cạnh TƯ ⊥)  mà Sđ Sđ DC (định lý góc nt)  Sđ Sđ EC (định lý góc nt)  ⇒ DC = EC  ⇒ **DC = CE** (liên hệ giữa dây và cung) | | |
|  | HS lên bảng trình bày | | b) Δ BHD cân?  Ta có CD = CE (cma) ⇒  (góc nội tiếp chắn 2 cung bằng nhau)  ⇒ BA' là phân giác của HBD  có BA'⊥HD (AA'⊥BC)⇒BA' là đường cao  Xét Δ BHD có BA' là phân giác của HBD (cmt); BA' là đường cao  ⇒ Δ BHD cân tại B (đảo t/c) | | |
| b) Δ BHD cân ⇐ BA' là phân giác, BA' là đường cao |  | |
| c) GV hướng dẫn hs cm  CD = CH  ⇑  Δ HCD cân tại C  ⇑  CA' là đường cao (AA' ⊥ BC)  CA' là tiếp tuyến  ⇑  HA' = A'D  ⇑  ΔBHD cân tại B (cmb)  Cách chứng minh khác? | HS chứng minh vào vở bài tập theo hướng dẫn | | c) CD = CH?  Vì Δ BHD cân tại B (cmb)  lại có BC ⊥ HD (gt)  ⇒ BC là đường trung trực (t/c tam giác)  ⇒ **CH = DC**  ***Bài 97*** (SGK)  C  D  S  A  B  M  OM  1M  2M  1M | | |
| **Gv chốt kiến thức** |  | |  | | |
| *a) Tứ giác ABCD nội tiếp*  ⇑  A, D cùng nhìn BC dưới 2 góc bằng nhau  ⇑  BAC = BDC = 90o  ⇑  BAC = 90o (gt)  BDC = 90o ⇐ MDC=90o | *HS vẽ hình, định hướng chứng minh* | | *a) Tứ giác ABCD nội tiếp*  Ta có MDC = 90o (góc nt chắn nửa (O))  mà M ∈ BD  ⇒ BDC = 90o  lại có BAC = 90o (gt)  ⇒ BAC = BDC = 90o  ⇒ A, D cùng nhìn BC dưới 2 góc bằng nhau = 90o⇒ A; D; C; B ∈ 1 đường tròn.  ⇒ **Tứ giác ABCD nội tiếp** (đ/n) | | |
| *b) ABD = ACD*  ⇑  Tứ giác ABCD nội tiếp (cmb) |  | | b) Ta có tứ giác ABCD nội tiếp (cma)  ⇒ ABD = ACD  (góc nội tiếp cùng chắn AD) | | |
| *c) CA là phân giác của SCB*  ⇑ |  | | *c) CA là phân giác SCB?*  Vì tứ giác ABCD nội tiếp (cma)  ⇒  (góc nội tiếp cùng chắn AB)  Ta có  (góc nt cùng chắn MS)  ⇒  **⇒ CA là phân giác của BCS** (đ/n) | | |
| **Gv chốt kiến thức toàn bài** |  | |  | | |
| **Hoạt động 2*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | | | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | | | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | | **Bài cũ**   * Ôn tập c * Làm bài 98,99 sgk.   **Bài mới**   * Chuẩn bị kiểm tra 1 tiết. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***

*Ngày soạn:………………*

*Ngày dạy:………………..*

**Tiết 59*:* KIỂM TRA CHƯƠNG III**

**I. Mục tiêu**:

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Hệ thống hóa được các kiến thức đã học toàn chương.

- Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra.

1. ***Kỹ năng***

* Vận dụng thành thạo được kiến thức làm bài tập.
* Vẽ hình chính xác, cẩn thận, trình bày bài khoa học, rõ ràng.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán,

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị :**

- GV: Đề kiểm tra (Phô tô)

- HS: Ôn bài.

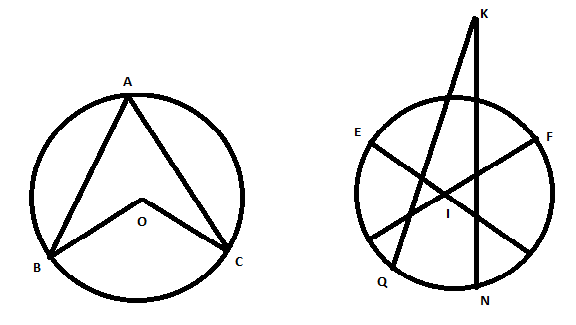
**III. Tiến trình dạy học :**

***Ma trận kiểm tra***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| Cấp độ thấp | Cấp độ cao |
| **1. Các loại góc với đường tròn.** | Nhận biết được các loại góc trong đường tròn | Nắm được đ/lí về số đo các góc với đường tròn để tính được sđ các góc đó | . |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1 *(1)*  1đ  10% | 4*(2a, 2b, 2c, 2d)*  4đ  40% |  |  | **5**  **5 đ**  **50%** |
| **2. Quỹ tích cung chứa góc, tứ giác nội tiếp.** |  |  | Vận dụng kiến thức để chứng minh các tứ giác nội tiếp | Vận dụng kiến thức để chứng minh các tứ giác nội tiếp |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | 1*(4a, 4b)*  2đ  20% | 1*(2b)*  1đ  10% | **2**  **3 đ**  **30%** |
| **3. Độ dài đường tròn, độ dài cung. Diện tích hình tròn, hình quạt.** |  | Tính được độ dài cung tròn, diện tích hình quạt tròn |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  | 2 *(3a, 3b)*  2đ  20% |  |  | **2**  **2 đ**  **30%** |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **1**  **1đ**  **10%** | **6**  **6đ**  **60%** | **1**  **1đ**  **10%** | **1**  **1đ**  **10%** | **9**  **10 đ**  **100%** |

***Đề bài***

**ĐỀ KIỂM TRA TIẾT 59 HÌNH 9**

Bài 1. Nối 2 cột để được kết quả đúng

|  |  |
| --- | --- |
| Góc BAC | Góc ở tâm |
| Góc BOC | Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn |
| Góc QKN | Góc nội tiếp |
| Góc EIF | Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn |
|  | Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung |

Bài 2. Cho đường tròn tâm O, góc nội tiếp ADC có số đo bằng 600. B là điểm bất kì trên cung nhỏ CD. Kẻ tiếp tiếp với đường tròn tại C như hình vẽ:

1. Tính số đo góc ABC?
2. Tính số đo góc AOC?
3. Tính số đo góc ACm?

Bài 3. Cho đường tròn (O, 3cm), cung MN có số đo bằng 1200.

1. Tính độ dài cung MN?
2. Tính diện tích hình quạt tròn MON?

Bài 4. Cho tam giác ABC nhọn nội tiếp đường tròn tâm O, các đường cao AE, CF cắt nhau tại H.

1. Chứng minh tứ giác BEHF nội tiếp được.
2. Chứng minh tứ giác AEFC nội tiếp được.
3. Chứng minh OB vuông góc với EF.

***Phương án chấm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | | Nội dung | Điểm |
| **1** |  | góc ở tâm  góc có đỉnh bên trong đường tròn  góc có đỉnh bên ngoài đường tròn  góc nội tiếp | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **2** |  |  |  |
| a | (góc nội tiếp)  (góc nội tiếp) | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| b | (góc ở tâm)  Mà | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| c | (góc tạo bởi tt và dây) | 0.5  0.5 |
| d | Xét  có (chắn nửa đường tròn) | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **3** | a | Độ dài cung MaN là: ***l*** =  = 6,28 (cm) | 1.0 |
| b | Diện tích hình quạt là: Squat = = 9, 42(cm2) | 1.0 |
| **4** |  |  | 0.5 |
| a | (gt)  (gt)  +  = 1800 => tứ giác BEHF nội tiếp | 0.25  0.25  0.25 |
| b | (gt)  (gt)  Mà  và  cùng chắn cung AC một góc vuông  => tứ giác AFEC nội tiếp đường tròn đường kính AC. | 0.25  0.25  0.25 |
| c | Qua B vẽ tiếp tuyến Bn với (O)  Bn OB (1)( t/c tiếp tuyến )  Có  =  =  => Bn // EF  => OB ⊥ EF | 0.25  0.25  0.25  0.25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 3*: Giao việc về nhà*** (2 phút)  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  - ***Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực  - ***Năng lực:*** Giải quyết vấn đề, ngôn ngữ. | | |
| GV: Giao nội dung và hướng dẫn việc làm bài tập ở nhà. | Học sinh ghi vào vở để thực hiện. | **Bài cũ**   * Ôn tập kiến thức và các dạng bài tập của chương III * Làm lại bài kiểm tra.   **Bài mới**   * Xem trước bài 1 chương IV: Hình trụ, diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ. |

***Phần bổ sung, chỉnh sửa cho từng lớp:***6`